

Nguyễn Trãi

(1380-1442)

Một tấm lòng Vạn Xuân và Đại Việt

© TT văn hóa Nguyễn Trường Tộ

Định Hướng từng thư xuất bản

2001

Lời mở đường

Nguyễn Trãi và Lê Lợi

Suốt gần mười năm kháng chiến chống quân Minh ngoại xâm (1417-1427) hai tên tuổi Nguyễn Trãi và Lê Lợi đã gắn bó mật thiết với nhau như hình và bóng. Nhờ vậy, hai nhân vật lịch sử có tầm cỡ này đã làm nên đại sự cho Đất Nước Đại Việt, thời ấy: xua đuổi quân Minh lui về đất nước của mình, thu hồi hòa bình và chủ quyền cho quê hương, sau hai mươi năm bị chiếm đóng và đô hộ một cách tàn ác và dã man.

Bài Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi đã ghi lại một vài chiến công oai hùng và oanh liệt ấy:

"Dựng gậy làm cờ, dân chúng bốn phương tụ họp,

"Hòa rượu cùng uống, binh sĩ một dạ cha con.

"Lấy yếu chống mạnh, thường đánh bất ngờ ;

"Lấy ít địch nhiều, hay dùng mai phục.

"Rút cuộc, lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn;

"Lấy chí nhân mà thay cường bạo.

"Trận Bồ Tát như sấm vang chớp giật,

"Trận Trà Lân như trúc chẻ tro bay.

"Sĩ khí lại càng thêm hăng

"Quân thanh càng lừng lẫy.

"Bọn Trần Trí, Sơn Thọ nghe tin bỏ vía,

"Bọn Phương Chính, Lý An nín thở mong sống tàn.

"Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lấy;

"Chọn quân thẳng tiến, Đông Đô đất cũ thu về.

(....)

"Xã tắc do đó được yên.

"Non sông do đó đổi mới.

"Càn khôn đã bĩ mà lại thái.

"Trời trăng đã mờ mà lại trong.

"Để mở nền thái bình muôn thuở .

"Để rửa nỗi sỉ nhục ngàn thu " ¹

Thế nhưng, từ năm 1428 trở về sau, khi đất nước đã sạch bóng quân thù và Lê Lợi đã trở thành Vua Lê Thái Tổ, lòng người bắt đầu thay đổi. Quan hệ giữa người và người bị bế tắc và khủng hoảng.

Hắn thực mới ngày nào, Nguyễn Trãi là vị mưu sĩ số một của Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa chống quân Minh.

- Chung quanh 1417, Nguyễn Trãi đã tìm đến Lỗi Giang, thuộc tỉnh Thanh Hóa, dâng Bình Ngô sách cho Lê Lợi, thủ lĩnh của Nghĩa quân Lam Sơn. Từ đó, ông luôn luôn được Lê Lợi giữ lại bên cạnh mình, để bàn mưu tính kế đánh quân Minh.
- Nhân danh Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã thực thi mọi công việc giao tiếp với quân Minh. Ông đã viết thư cho Sơn Thọ, Phương Chính, Thái Phúc và Vương Thông là những tướng lãnh đang ở các vị trí chỉ huy khác nhau về phía địch.
- Cuối năm 1426, Nghĩa quân Lam Sơn vây thành Đông Quan, còn gọi là Thủ độ Thăng Long. Tại một chòi cao ở Bến Bồ Đề, Lê Lợi ngồi ở tầng thứ nhất, để chỉ huy các cuộc hành quân của binh sĩ. Trong khi ấy Nguyễn Trãi có mặt ở tầng thứ hai, để bàn mưu vạch kế. Ai ai cũng thấy: Chỗ nào có Lê Lợi, chỗ ấy Nguyễn Trãi luôn luôn có mặt một cách trung tín.
- Vào năm 1427, bị dồn vào thế khốn quẫn, Vương Thông đề nghị giải hòa. Thay vì tận diệt quân Minh để báo thù theo nguyện vọng bình thường và tự nhiên của tất cả mọi tướng lãnh đang cầm quân, Lê Lợi đã thực thi ý kiến của Nguyễn Trãi : Cung cấp cho Vương Thông đầy đủ lương thực và thuyền bè,

để ông rút quân về nước, trong trật tự và an bình, trước sự chứng giám và hộ vệ của đoàn quân Đại Việt.

Vậy cái gì đã thay đổi trong quan hệ giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi, để hai người không còn nhất tâm, sát cánh bên nhau như hình và bóng, trên con đường xây dựng đất nước, sau khi hòa bình được văn hồi?

Cái gì đã xảy ra thực sự để Nguyễn Trãi bị "thất sủng", đương khi những nhân vật kém tài, kém đức như Lê Sát, Lê Văn lại được trọng dụng, nâng lên các chức vị bậc nhất trong Triều Đình của Lê Lợi?

Lê Lợi đã tỏ ra có khả năng đại lượng, can đảm và thứ tha đối với những người địch thù, những người nước ngoài như Vương Thông và toàn bộ các binh sĩ của Ông! Thế nhưng, cũng Lê Lợi ấy đã có những hành vi bạo động, hẹp hòi, đầy nghi kỵ, khi đưa tay sát hại Trần Cảo, Trần Nguyên Hân và Phạm Văn Xảo. Đặc biệt hai vị sau là những tướng lãnh đã nằm gai, nằm mật với mình suốt thời gian kháng chiến. Họ chỉ ôm ấp một điều là góp tay xây dựng đất nước bên cạnh Lê Lợi. Chính họ từ lúc đầu, đã có mặt trong ngày tuyên thệ ở Lũng Nhai:

"Chúng tôi (...) tuy quê quán, họ hàng khác nhau, nhưng đã kết nghĩa anh em (...) thề chết sống đều phải được cùng nhau, không dám quên lời thề ước".

Phải chăng Lê Lợi cũng đã có lần khẳng quyết: "Ta sở dĩ cất quân đánh giặc không phải là có lòng tham lam phú quý, chỉ là muốn cho người ngàn năm về sau biết ta không chịu làm tôi giặc tàn ngược thôi"².

Vậy trong thực tế, việc gì đã xảy ra không cho phép Nguyễn Trãi và Lê Lợi tiếp tục Nhất tâm trên con đường xây dựng đất nước và làm đẹp quê hương? Nhằm khai sáng một phần nào câu hỏi phức tạp này, tôi muốn mở ra lại hồ sơ về quan hệ giữa Nguyễn Trãi và Lê Lợi.

Hiểu được những gì đã xảy ra giữa hai nhân vật này, cách đây hơn năm thế kỷ, chúng ta sẽ hiểu được những gì đang xảy ra ngày hôm nay trong chúng ta và giữa chúng ta, khi hai người bắt đầu chung sống, hoặc làm việc với nhau.

Bao lâu chúng ta chưa thực hiện công cuộc nhận diện và đối diện với chính mình, một cách can trường, chân thành và sáng suốt; chúng ta còn dò dẫm trong đêm tối. Chúng ta chưa biết mình là ai! Động lực nào đang chi phối toàn diện cuộc sống của chúng ta trong mạng lưới quan hệ chằng chịt, ở giữa cộng đồng quê hương và dân tộc. Nói cách khác, chúng ta đang làm Người hay làm Ngợm, trong bao nhiêu tác phong, ngôn ngữ và dự án của chúng ta? Anh chị em đồng bào - trong đó có những thành viên thấp cổ bé miệng - là những "con người" thực sự và trọn vẹn, đáng được chúng ta trân trọng và phục vụ? Hay ngược lại, họ chỉ là công cụ, đồ vật nhằm thỏa mãn mọi ý đồ và dục vọng của chúng ta?

Theo khoa học Tâm lý xã hội đương đại, bao lâu chúng ta không tìm cách đánh sáng ý thức về mình và về người khác, cuộc sống chung, thuộc bất cứ địa hạt nào, sẽ có nguy cơ trở thành một trò chơi quyền lực, trong mọi quan hệ tiếp xúc hằng ngày; thậm chí giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, hay là giữa những người đã thề nguyện sống chết "có nhau, vì nhau".

Nhằm khai sáng bao nhiêu vấn đề phức tạp ấy, đã có mặt trong quan hệ giữa Nguyễn Trãi và Lê Lợi, cũng như hiện đang xảy ra giữa chúng ta, cuốn sách này sẽ trình bày và giới thiệu một cách chi tiết "Sách Lược Tâm Công của Nguyễn Trãi". Đây là một công hiến lớn lao nhằm xây dựng đất nước và con người Việt Nam, đã có mặt vào đầu thế kỷ 15 và vẫn có giá trị trong thời đại ngày hôm nay.

Chương một định nghĩa kế hoạch "Tâm Công" với bảy động tác cụ thể. Đây là bảy bước đi lên thuộc tầm tay và khả năng của mỗi người.

Chương hai gọi lại những giai đoạn thành hình của "Tâm Công" trong cuộc đời của Nguyễn Trãi, ở vào một giai đoạn lịch sử của Đất Nước bị quân Minh đô hộ.

Chương ba đề nghị mang vào cuộc sống hằng ngày "sách lược Tâm Công" của Nguyễn Trãi. Lúc bấy giờ mỗi người trong chúng ta sẽ tìm ra con đường hóa giải hận thù thành tình thương, trong quan hệ tiếp xúc, trao đổi với anh chị em đồng bào.

Chương bốn nhấn mạnh thêm rằng trong đời sống cá nhân của mỗi người, cũng như trên bình diện của toàn thể đất nước, khi một nhu cầu tình cảm bị "thương tổn" hay là "thiên hoạn", nghĩa là khi tình thương không được vun trồng chăm bón, khi tâm lòng không có mặt, không phải là động cơ thúc đẩy mọi hoạt động, tai họa giáng xuống trên cuộc đời bằng cách này hay cách khác. Tai họa ấy là "hai không, bốn họa" có nghĩa là mệnh mông, dai dẳng.

Cho nên, trong từng hoàn cảnh, "Tâm Công" nhắn nhủ mỗi người: Hãy mang đến cho nhau một tấm lòng. Không có cách xây dựng đất nước nào hữu hiệu và cơ bản cho bằng cách trao cho nhau một tấm lòng đầy yêu thương và tha thứ.

Hẳn thực, khi có một vấn đề bế tắc hoặc xung đột, chúng ta đứng ở ngoài nhìn vào thường có xu thế qui lỗi cho người này và bênh vực người kia. Thực ra, cả hai người, hoặc hai phe đều có những hạn chế trong lẽ lỗi nhận thức. Họ đều là nạn nhân. Họ bị lèo lái như con múa rối. Thay vì ngồi lại, nói chuyện, trao đổi... họ lẫn tránh nhau. Thay vì tìm hiểu, họ tố cáo nhau.

Đến một lúc họ bị tràn ngập trong khổ đau, nghi kỵ, bất mãn, giận hờn ... Như nước vỡ bờ, họ bị xô đẩy vào con đường bạo động. Và khi tìm cách hủy diệt người khác, chúng ta tự hủy mình. Làm sao còn tư cách làm người, khi chúng ta không cho phép kẻ khác làm người ?

Bao nhiêu phân tích và nhận xét ấy, nhất là khi được áp dụng vào cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi, sẽ cho chúng ta thấy rõ: Nguyễn Trãi đã cống hiến cho Đất Nước và anh chị em đồng bào một tấm lòng. Dù có bao la, trọng đại đến mức độ nào chăng nữa, tấm lòng của Nguyễn Trãi vẫn có những giới hạn, những tồn tại. Nguyễn Trãi đã thành tựu với Lê Lợi. Nhưng đã thất bại với Lê Thái Tổ.

Từ đó, chúng ta có thể rút tía và chất lọc nhiều bài học và kinh nghiệm quý hóa cho bản thân và cuộc đời. Trong chiều hướng này, mọi thất bại hoặc sai lầm, cho dù ở đâu, với ai, thuộc hoàn cảnh và thời đại nào, đều có thể trở nên cho chúng ta những yếu tố hồi dưỡng, những của ăn bồi đắp, hàn gắn, điều hợp trên tiến trình làm người.

Một cách đặc biệt, những gì Nguyễn Trãi đã thất bại, chúng ta sẽ tôi luyện để thành công. Những gì Nguyễn Trãi đã bắt đầu, chúng ta tiếp nối, bổ túc và kiện toàn. Những gì làm nên bóng tối trong con người và cuộc đời Nguyễn Trãi, chúng ta sẽ học tập để ngày ngày thanh luyện và hóa giải. Chúng ta sẽ là những tia nắng báo hiệu một bình minh huy hoàng.

Trong phần kết luận mang tựa đề: "Một tấm lòng vạn xuân", tôi muốn ghi nhận bài học hay là lời nhắn gửi của Nguyễn Trãi: khi chúng ta mở ra một tấm lòng cho con cái và tất cả những ai tiếp xúc với chúng ta, chúng ta đang mở ra những con đường Vạn xuân, có nghĩa là bất diệt, bất tử. Với cách làm ấy, chúng ta xây dựng một đất nước vạn xuân và sống trên Đất Nước Vạn Xuân, trách nhiệm văn hóa của mỗi người là ngày ngày:

"Mở rộng cửa Nhân, chờ khách tới;

"Vun trồng cây Đức, cho con ăn!"³

Mặc dù trong hiện tại, đất nước vẫn còn la:

"Góc thành Nam lều một gian,

"No nước uống, thiếu cơm ăn.

"Con đòi trốn, dễ ai quyền,

"Bà ngựa già thiếu kẻ chăn.

"Ao bơi hẹp hòi, khôn thả cá,

"Nhà quen xuể xóa ngại nuôi vắn.

"Triều quan chẳng phải, ản chẳng phải,

"Gốc thành Nam lều một gian".⁴

*

* *

Chương một

Sách lược "Tâm Công"

Nhằm tập hợp lòng người

Từ 1950, nhiều tác giả đã viết về Nguyễn Trãi. Ai ai cũng đều ca tụng danh nhân này như một con người lỗi lạc, xuất chúng ở mọi mặt : Văn chương cũng như chiến lược, đạo đức cũng như ngoại giao...

Đối với Võ Văn Ái, Nguyễn Trãi trước tất cả và trên tất cả là một "Thiền sư chứng ngộ". Cùng với Lê Lợi, trên chiến trường đánh Quân Minh, ông có khả năng "biến chữ ra người, ra sóng thần, ra hương, ra mật, nhưng cũng ra guom, ra lệnh (...). Mỗi lời, mỗi ý, mỗi câu, mỗi bức thư của Ông là một lần khai thị. Nó xoáy động tâm tư kẻ đọc. Nó làm cho họ thao thức, khắc khoải, so đo, dao động. Nó làm cho người đọc tỉnh thức. Họ được khai thị. Họ được vén màn khái niệm đã che mờ thực tại tự bấy lâu"⁵.

Qua tác phẩm của Trần Huy Liệu, Nguyễn Trãi nổi bật lên như "người có tài cao, chí lớn vào bậc nhất trong lịch sử Việt Nam". Hơn nữa, Nguyễn Trãi cũng được coi là "người có đạo đức lớn"⁶. Trước bao nhiêu thử thách và gian khổ, Ông luôn luôn là người "bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất" có nghĩa là: gặp nghèo hèn, vẫn can trường đứng thẳng, không thay đổi, xoay chiều. Trước sự đe dọa của uy quyền và vũ khí, Ông không hề chịu khuất phục, chấp nhận làm tay sai cho ngoại nhân xâm lược.

Với hai tác phẩm⁷, Bùi Văn Nguyên trình bày nhiều tin tức mới lạ, độc đáo làm cho Nguyễn Trãi sáng rực lên như "Ánh sao Khuê". Trong tất cả sự nghiệp văn chương của Ông - Chiến đấu kiên cường cũng như trữ tình thâm thúy - người, vật và đất nước luôn luôn có quan hệ mật thiết, giao thoa thực sự với nhau. Và trong suốt đời, lúc làm quan ở Triều đình cũng như khi về ở ẩn tại Côn Sơn, Nguyễn Trãi là "một người sống bình dị, vui hưởng cuộc đời thanh bạch". Nói đến Nguyễn Trãi là nói đến "một tấm lòng vì nước, vì dân". Tấm lòng ấy cần được tiếp nối và kiện toàn để trở nên vạn xuân và đại việt trong cuộc đời của chúng ta. Vạn xuân, trong lăng kính này, có ý nghĩa là bất tử, bất diệt, trường tồn. Đại việt, trái lại, là khả năng vượt thắng chính mình, để ngày ngày vươn lên tới một cuộc sống vĩ đại và cao cả, theo chí hướng văn hóa do tổ tiên cha ông đề ra, từ đời Lạc Long Quân và trời trần lại cho con cháu và các thế hệ về sau.

Vượt trên tất cả, theo thiên ý của tôi, là tác phẩm trường thiên tiểu thuyết về Nguyễn Trãi, mang tên là Vạn xuân, của nữ văn sĩ người Pháp Y. Feray, do Nguyễn Khắc Dương chuyển dịch ra tiếng Việt. Thề theo quan điểm của tác giả, Nguyễn Trãi "vừa là một thi hào, một nhà viết văn cừ khôi, vừa là một chiến lược gia có tầm mắt viễn thấu, một nhà ngoại giao tài tình, một nhạc sĩ lịch lãm, một nhà địa lý thông thái và là một nhà sư phạm tuyệt vời"⁸. Tuy nhiên cuộc đời của Nguyễn Trãi cũng là một tấn bi kịch đầy xót xa và thương đau. Phải chăng đó là tấn bi kịch của một vĩ nhân sinh ra trong một xã hội với lòng người còn quá hẹp hòi và bé nhỏ?

Nói khác đi, phải chăng Nguyễn Trãi là người yêu nước vĩ đại bị dày vò ngay trong chính quê hương của mình, theo cách nhận định của nhà đông học E. Gaspardonne?⁹ "Bị dày vò" có nghĩa là bị bắn nát, điều đứng, tiêu điều. Tôi sợ rằng: lời nói này có vẻ hơi quá đáng. Tuy nhiên, trong quá trình văn hóa của Cộng đồng và dân tộc Việt Nam nhiều sự cố đau buồn đã và đang làm cho Nguyễn Trãi và tất cả chúng ta thao thức, trăn trở. Mỗi triều đại, mỗi chính thể, từ trước cho tới nay, luôn luôn bắt đầu bằng một vụ tàn sát, thanh trừng, đổ máu. Phải chăng Tể Tướng Trần Thủ Độ - vị đại công thần khai nguyên Nhà Trần - đã chôn sống tất cả những anh em bà con họ Lý trong hoàng tộc? Và ra lệnh cho những ai mang danh họ Lý phải đổi ra họ Nguyễn?

Sau nhà Trần, với Hồ Quý Ly, vòng luân hồi vẫn tiếp diễn. Sau khi cưỡng bức hoàng đế Trần Thuận Tông nhường ngôi, Ông đã sai người tới thắt cổ nhà vua. Đồng thời, Ông loại trừ cùng một lúc 370 vị quan trung thành với triều đại cũ.

Trong quá khứ gần và xa, thay vì lãnh đạo đất nước, nhiều người trông cha ông chúng ta muốn làm công việc "Nhỏ cỏ". Đối với họ, nhỏ cỏ phải nhỏ tận gốc. Thà giết lầm người anh em, hơn là để kẻ thù sống sót! Rốt cuộc, với não trạng hận thù, thù tiêu và bạo động, luôn luôn ám ảnh, trong bao nhiêu người trước kia là anh chị em, cuối cùng không còn ai là anh chị em. Mọi người đã trở thành kẻ thù. Không ai còn mang tính người, trong lối nhìn và cách thuyên giải của chúng ta! Họ đã hóa thành một đồ vật. Một loại người bị tước đoạt tính người.

Với sách lược "Tâm Công", Nguyễn Trãi đi lại, lấy lại, sáng tạo lại con đường văn hóa của Lạc Long Quân. Mặc dù mang trong mình dòng máu của Rồng và nơi ở của Minh là Nước, Lạc Long Quân đã kết duyên với Âu Cơ. Bà thuộc dòng máu của Tiên. Quê hương của Mẹ là Đỉnh núi và Trời cao. Mặc dù khác biệt nhau như trời và nước, hai người đã tạo thành hôn phối ; sinh ra một trăm đứa con chia sẻ cùng nhau một bọc trứng duy nhất. Cho nên, họ gọi nhau là anh chị em "đồng bào", ruột thịt. Quê hương của họ, do Cha Mẹ trời lại, mang tên là Non Nước ; Núi Sông. Vừa cương trực, hướng thượng, hiền trí như Núi. Vừa bao dung linh hoạt, kiên trì, có khả năng đồng hóa tất cả, như nước. Phải chăng hai tư cách làm người ấy diễn tả bản sắc, gốc gác của người Việt Nam?

Câu chuyện huyền sử này, theo ngôn ngữ của Thiên học Phật giáo được gọi là một công án, do tổ tiên trời trần lại cho con cái , cháu chắt và các thế hệ tương lai. Tháo mở được công án này, phát hiện nhiều tầng lớp ý nghĩa khác nhau đang được cuu mang áp ủ ở bên dưới, người Việt Nam sẽ "ngộ" nghĩa là thấy được con đường "làm người" là gì, thể thức xây dựng đất nước bắt đầu từ đâu ... Trong chiều hướng và ý nghĩa ấy, công án không phải là một bài tính đổ, chúng ta có thể giải quyết bằng lý trí thuần đơn hoặc bằng mưu lược, ý đồ hay là ý thức hệ. Trái lại, đó là một "tư cách làm người", chúng ta cần đầu tư với tất cả "tâm lòng" vừa có tình vừa có lý. Vừa sáng tạo trong cô đơn thâm lặng, vừa không ngừng chia sẻ và đồng hành với tất cả những ai đang làm người, mặc dù họ đang thuộc phe bên kia, đang đứng ở trên một chiến tuyến thù địch, xâm lược và thực dân.

Những ý hướng làm người ấy sẽ được Nguyễn Trãi tô đậm một cách khéo léo trong sách lược Tâm Công của mình.

"Tâm Công" được thành hình trong hoàn cảnh nào?

Tâm công có nghĩa là đánh vào lòng người, thu phục nhân tâm.

Theo tác phẩm Vạn Xuân của Y. Feray, sách lược "Tâm công" được Nguyễn Trãi trình bày lần đầu tiên cho các quan chức của Triều đình Hồ Quý Ly, khi hiểm họa xâm lược của quân Minh đã bắt đầu truyền đạt khắp nơi, trong các lớp quân chúng ở Thủ đô Thăng Long¹⁰.

"Vấn đề tiên quyết mà tình thế rối ren hiện tại đặt ra là : làm sao để vũ trang cho đất nước, tăng cường khả năng bảo vệ non sông?

Sự đe dọa bên ngoài càng khẩn cấp thì càng đòi hỏi phải có sự trị an ở bên trong lãnh thổ của chúng ta. Nếu toàn dân đoàn kết lại chung quanh Hoàng Thượng, làm thành như chỉ một gia đình, nếu các tướng sĩ và binh lính hiệp nhất với nhau như cha con thì dẫu quân thù có đông hơn ta hàng ngàn lần, có vũ trang hơn chúng ta mười lần, chúng ta cũng không sợ.

(...)

Quân đội mạnh hay yếu không tùy thuộc ở nơi quân số chút nào cả, mà bắt nguồn từ những đức tính cao cả này: đó là hai chữ Nhân, Nghĩa.

(...)

Ai có lòng nhân, người đó có thể dựa trên chính sự yếu đuối của mình để chinh phục sức mạnh. Ai vì đại nghĩa, người ấy có thể lấy ít chọi nhiều".

Để thực hiện công việc trị an và xây đắp sức mạnh cho quê hương, thể theo niềm xác tín của Nguyễn Trãi, ngoài con đường áp dụng công bằng và công lý trong mọi tầng lớp của xã hội, không có một chọn lựa thứ hai!

Làm sao có công bằng, khi người dân đen đang còn bị áp bức, bóc lột tận xương tủy của mình?

Làm sao có công bằng, khi người dân đen chưa kiếm được mỗi ngày một bữa cơm, đang lúc kẻ khác sống thừa thái trên nhung lụa, gửi vàng và mỹ kim vào ngân hàng ở nước ngoài?

Chúng ta huấn luyện cả một đạo quân công an hùng hậu, có mặt ở khắp nơi, để truy nã kẻ phản loạn, săn bắt những trẻ em cướp giết, chặt đầu, chặt tay những người buôn lậu xì ke, ma túy ... Nhưng chúng ta đã làm gì thóa dịu nỗi bất hạnh tột cùng của người dân đen? Nghèo khó, bất công mới là gốc rễ của tai họa đang lan tràn, hoành hành! Căn bản của vấn đề không phải là giảm trừ hậu quả. Nhưng là đối diện, nhìn thẳng mặt, không tránh né, đánh trống lảng trước hiện trạng nghèo khổ và bất công lan tràn khắp mọi nơi trong xã hội, trên đất nước chúng ta. Khi chúng ta giết xong một Tú Bà, bao nhiêu Tú Bà khác sẽ vùng dậy đàn áp nàng Kiều còn khắc nghiệt hơn. Lãnh đạo đất nước là xây dựng con người, tạo ra mọi cơ hội thuận tiện như công ăn, việc làm, để mỗi người có khả năng làm người, có quyền làm người, hãnh diện về tư cách làm người. Lúc bấy giờ cả một tập đoàn Mã Giám Sinh, Tú Bà không còn lý do tồn tại, như Đoàn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du đã phát hiện và mô tả.

Xây dựng, tôn trọng và phục vụ con người trong mỗi người dân, thuộc mọi tầng lớp, nhất là nơi những người thấp cổ bé miệng, đó là ý nghĩa sâu xa của kế hoạch "Tâm Công" trong tinh thần và lối nhìn của Nguyễn Trãi. Chỉ với điều kiện này, toàn dân mới đứng lên, nhất tâm, muôn người như một, để đối đầu với quân xâm lăng và bảo vệ đất nước được kiến dựng bằng máu và nước mắt từ đời Hồng Bàng.

Nói cách khác, theo lời lẽ của Bình Ngô Đại Cáo, Tâm Công là "lấy Đại nghĩa mà thắng hung tàn; lấy chí nhân mà thay cường bạo". Khi chưa có đại nghĩa hay là công lý trong lòng của quê hương, đất nước, tình trạng hung tàn đang ngự trị giữa lòng của người dân Đại Việt. Khi chưa sống tình người, với từng người trong xã hội cùng mang một dòng máu Tiên Rồng, chúng ta đang loại trừ và tàn sát lẫn nhau. Trong tình thế "gà một nhà bơi mặt đá nhau", làm sao chúng ta có thể ngăn chặn làn sóng bạo động của quân Minh, từ phương Bắc, từ người nước ngoài?

Chính vì những lý do đó, sau 7 năm hoạt động mà "không kết hợp được lòng người", triều đại của Hồ Quý Ly đã tan vỡ thành mảnh vụn, một cách nhanh chóng, năm 1407, trước làn sóng xâm lăng ồ ạt của Phương Bắc.

Sau đó, trong vòng 10 năm, từ 1407 đến 1417, những tàn tích của nhà Trần chỉ lo vớt vát, cứu vãn gia đình, dòng họ mình. Không một ai có khả năng qui tụ, kết hợp quần chúng thuộc mọi tầng lớp. Trần Nguyệt Hồ vào cuối thu 1407, Trần Nguyên Khoáng và Trần Ngỗi vào đầu năm 1408 đã đứng dậy chống quân Minh. Sau một vài chiến công lẻ tẻ, nghĩa quân vì không được thống nhất, không còn có khả năng đương đầu, chống cự. Chung quanh 1417, với 5 vạn quân cầu viện, do triều đình Minh Thành Tổ gửi sang, Trương Phụ đã bắt đầu củng cố và ổn định việc tổ chức, áp đặt chính quyền đô hộ trên đất nước Đại Việt.

Bảy động tác cụ thể của "Tâm Công"

Để sách lược "Tâm Công" của Nguyễn Trãi không phải chỉ là lời nói hoa mỹ, một cấu trúc lý thuyết thuần đơn hay tệ hơn nữa là một ý thức hệ, một giáo điều khô cứng, chỉ nhằm tuyên truyền, quảng cáo một chính thể hay một tôn giáo, chúng ta cần tìm ra những động tác cụ thể và khách quan, những "cách làm" hữu hiệu. Khoa học tâm công bao gồm cả Tâm liên Tài. Tài suông chỉ để ra tai họa. Tâm thuần đơn, không nhập thân, nhập thể, đó là duy tâm cực đoan, một hình thức thực dân do thần phật áp đặt từ bên ngoài. Và con người lúc bấy giờ chỉ là nạn nhân, đồ vật hay là con mồi rôi. Con người phải là tác giả của đời mình. Giúp ai thành người là tạo điều kiện để họ làm chủ cuộc đời của mình.

Trong tinh thần và ý nghĩa như vậy, tâm công là một tiến trình văn hóa bao gồm những động tác, những qui luật tất yếu sau đây:

Động tác thứ nhất thuộc sách lược "Chinh phục lòng người" là không ngừng sáng tạo. Trong một quê hương đất nước, mọi người, cho dù khác biệt nhau ở nhiều bình diện, đều là anh chị em đồng bào có những đặc ân, đặc quyền giống nhau. Không một ai là chủ nhân ông, có quyền đối xử người khác như một tên nô lệ chỉ có bốn phận tòng phục, thừa hành. Bao lâu chưa có viên đá tảng này làm nền móng, trong mọi công cuộc xây dựng đất nước và phục vụ anh chị em đồng bào ; tất cả những điều kiện còn lại đều là láo khoét, bịp bợm, "treo đầu heo bán thịt chó", như người bình dân thường bảo nhau. Trái lại, khi nắm vững nguyên tắc "mọi người có quyền làm người và có quyền được cư xử, đãi ngộ như một con người toàn phần", chúng ta sẽ sáng tạo để chuyển biến lối nhìn ấy thành hành động cụ thể trong cuộc sống hằng ngày. Khi sáng tạo như vậy, chúng ta thích ứng với thực tế và thực tại cụ thể.

Động tác thứ hai là kết hợp một cách hài hòa bên trong và bên ngoài hay là tâm và thân. Khi có bên trong mà không có bên ngoài, chúng ta chỉ là hồn ma phiêu bạt, lang thang, vô gia đình, vô tổ quốc. Khi có ngoài mà bên trong trống rỗng, đó là "con nôm đa ngôn hay là con mồi rôi."

Là con người thực sự và trọn vẹn, chúng ta có khả năng quyết định, chọn lựa, động viên chính mình. Khi "bị chỉ đạo từ bên trên, bên ngoài và bên dưới, chúng ta sẽ biến thân thành đồ vật, dụng cụ trong bàn tay lèo lái, sai sử của kẻ khác. Nếu người chỉ đạo từ bên trên là thần phật, người bị chỉ đạo sẽ là tín đồ mê tín, dị đoan. Nếu chỉ đạo là người ở ngoài, chúng ta sẽ là những bồi bút. Nếu bị chỉ đạo bằng những năng lực vô thức như dục vọng tham, sân, si ... Chúng ta chưa làm người, chúng ta còn bị ngụp lặn trong ngục tù của khổ đau. Chúng ta đang sống trong tình trạng làm nạn nhân cho những đối lực mà chúng ta không biết, không dám nhìn tận mắt và gọi tên. Đó là vô thức, theo thuật ngữ của Phân tâm học.

Động tác thứ ba là khả năng sắp xếp điều gì là hành động từng ngày, điều gì thuộc mục tiêu ngắn và dài hạn, điều gì là viễn ảnh, viễn tượng lớn lao và lâu dài còn được gọi là mục đích tối hậu, lý tưởng của cuộc sống làm người.

Vào những năm 1950, bao nhiêu thuộc địa của Pháp và Anh, ở Phi và ở Á Châu, gần như đồng loạt nổi dậy đánh đuổi thực dân xâm lược. Sau khi mục tiêu được thành đạt, với bạo động và bom đạn ; rất nhiều xứ sở không biết phải đi về đâu, ý

nghĩa cần đeo đuổi gồm có những bước đi lên như thế nào. Quen máu bạo động, họ tiếp tục sử dụng bạo động với người đồng chí, đồng hương. Sau khi đuổi Pháp, họ thanh trừng những người theo Tôn giáo của các vị thừa sai Pháp. Rốt cục, sau chiến tranh giải phóng đất nước, họ nhảy qua chiến tranh diệt chủng, hay là chống tôn giáo.

Theo St. Covey, "phải đặt lên hàng đầu, cái gì là ưu tiên số một" (first things first) ¹¹. Trong lời nhìn Tâm Công, do Nguyễn Trãi trình bày trước hội nghị Triều đình của Hồ Quý Ly, thực hiện công bằng và mang lại cho quần chúng dân đen một mức độ ấm no tối thiểu cần thiết, là hai ưu tiên số một cần thực hiện trong nỗ lực "đánh vào lòng người" để ngăn chặn hữu hiệu làn sóng xâm lăng của ngoại bang từ Minh triều.

Khi có một thứ tự rõ ràng trong nội tâm như vậy, theo Nguyễn Trãi, chúng ta sẽ có khả năng "dừng lại" khi nào cần dừng lại. Ví dụ, khi đã sử dụng bạo động "một cách chính đáng" để bảo vệ đất nước và chủ quyền của Đại Việt, chúng ta biết dừng lại (an nhữ chí) khi bạo động không còn cần thiết. Dừng lại như vậy không có nghĩa là bất động, nhưng là trở lui ở vị trí và việc làm xứng hợp nhất với cương vị và tư cách của mình (theo lời nói "chỉ ư chí thiện" của sách Đại Học) ¹². Nói khác đi, bạo động chỉ là phương tiện cực chẳng đã, đối với những ai có tư cách làm người, sống tình người. Bản sắc đích thực của họ là tôn trọng tính người. Thực hiện nhân đạo, nhân nghĩa là nơi nhắm tới, là cùng đích làm cho họ phát huy mọi chiều kích tâm linh của mình.

Động tác thứ bốn trong sách lược Tâm Công là lắng nghe người đối diện, bắt kể họ là ai, thuộc thành phần hoặc giai cấp nào trong xã hội. Lắng nghe để tìm hiểu và nhìn nhận tính khác biệt và độc đáo của họ. Thay vì áp đặt cho họ ý kiến, lập trường và thể thức hành động của chúng ta. Khi lắng nghe thực sự và trọn vẹn, chúng ta tôn trọng chủ quyền của họ : chính họ mới là tác giả đầu tiên và cuối cùng của cuộc đời họ. Với chức vụ lãnh đạo, dù ở cấp bậc, lớn lao đến độ nào trong hệ thống tổ chức xã hội, chúng ta chỉ làm công việc "hộ sinh", nghĩa là tạo điều kiện thuận lợi cho phép họ thành người. Chúng ta không thể làm người thay thế họ. Bao lâu người dân không đảm nhận trách vụ "yêu nước, bảo vệ non sông", không ai có thể ép buộc họ. Với những áp lực "súng ống, chỉ tiêu lương thực, trại cải tạo...." chúng ta càng gia trọng sức ù lì và phản kháng mà thôi.

Trong địa hạt giáo dục thuộc xã hội ngày hôm nay, hiện tượng thanh thiếu niên bỏ nhà ra đi lập băng đảng cướp giết, hút xách càng ngày càng lan tràn. Một trong những lý do chủ yếu là vì chúng nó không được cha mẹ, thầy cô lắng nghe.

Ý nghĩa thứ nhất của lắng nghe, như tôi đã trình bày trên đây, là tôn trọng chủ quyền và tính khác biệt của người mà chúng ta lắng nghe.

Ý nghĩa thứ hai của lắng nghe là, chấp nhận, đón nhận và nhìn nhận nhu cầu của người phát biểu, diễn tả. ***Nhu cầu nói ra những gì được cư mang ấp ủ trong nội tâm đồng hóa với nhu cầu làm người.***

Để lãnh hội một cách rõ ràng hai ý nghĩa này, chúng ta cần khảo sát hai cách hành xử và đãi ngộ của chúng ta đối với người mà chúng ta đang tiếp xúc và trao đổi.

Thứ nhất là ghi nhận, nhấn mạnh những thiếu sót của người ấy trong tình thế hiện tại. Lẽ tất nhiên, càng quét nhà, chúng ta càng đào ra rác. Khi có ý định tìm ra những khuyết điểm nơi người khác, thế nào chúng ta cũng sẽ thấy nơi họ điều ấy sẽ xảy ra bằng cách này hay cách khác.

Thứ hai là cử xử và đãi ngộ người ấy theo tiêu chuẩn dự phóng cho tương lai mong muốn của người ấy. Nếu người Mẹ cư xử với con như một người có giá trị, nó sẽ thành người "trưởng thành" theo cấp độ phát triển của nó. Nếu trong lời nhìn của người lãnh đạo, người dân đen chỉ là nô lệ hay là công cụ ; người lãnh đạo trong lời ăn tiếng nói của mình sẽ tạo ra những lớp người nô lệ, thay vì coi trọng họ như một thành viên đồng hành và hợp tác với mình, trong cộng đồng đất nước. Theo tục ngữ của người Việt Nam "Yêu nên tốt, ghét nên xấu". Hẳn thực, khi ai được thương, người ấy sẽ dần dần trở nên dễ thương. Và khi ai bị ghét, dần dần họ trở thành con

người dễ ghét.

Về mặt kỹ thuật, để hiểu rõ chúng ta thực thi những động tác nào khi lắng nghe, chúng ta cần phân biệt minh thị bốn địa hạt của nội tâm sau đây:

Thứ nhất khi kẻ khác ghi nhận những tin tức hoặc sự kiện khách quan, chúng ta yêu cầu họ hai điều : kiểm chứng bằng cách xác định những câu hỏi nhằm môi trường hóa tin tức : ai, ở đâu, khi nào, thế nào, bao lâu ... Sau đó bỏ tức những tin tức thiếu sót, bằng cách yêu cầu họ đặt mình vào một vị trí khác và lối nhìn khác ... Ví dụ, khi Hoàng Phúc trình bày nhân nghĩa theo quan niệm của Minh Triều, Nguyễn Trãi đã gây ý thức cho vị tướng lãnh này về lũy tre xanh, về đồng lúa, về núi non của người Đại Việt... Không chấp nhận người Đại Việt có chủ quyền trên nước non của mình, quân Minh còn nhân nghĩa hay không ?

Thứ hai là lễ lối thuyên giải hay là cách trình bày về ý nghĩa của cuộc sống. Trong lãnh vực này, không một ai có thể tranh giành cho mình toàn quyền về chân lý, sự thật. Và tuyên bố một cách đơn phương rằng : kẻ khác lầm lạc, kẻ khác có ý đồ đen tối hay là kẻ khác có lỗi, họ là nguyên nhân gây ra mọi tai ương hoạn nạn, còn tôi là người hoàn toàn trong trắng và vô tội.

Khi nuôi dưỡng áp ủ những tư tưởng nhị nguyên này trong thâm sâu của nội tâm, vô tình hay hữu ý chúng ta đang là tên thực dân, xâm lăng, xâm lược quyền làm người của kẻ khác đang sống hai bên cạnh. Trong lăng kính và ý nghĩa này, theo tâm lý học đương đại, nhất là khoa phân tâm của Freud, đôi khi chính cha mẹ là người "thực dân" đối với con cái của mình, khi họ quá đàn áp và hạn chế sức sống hồn nhiên và tự phát của chúng. E. Berne với phương pháp "Phân tích những trao đổi" (Analyse transactionnelle, thường thường được viết tắt là AT.), cũng đưa ra những kết luận tương tự. Trong quan hệ giáo dục, nếu cha mẹ quá độc tài hay là quá bao cấp, đứa con sẽ dần dần biến thân thành phản động hay là lệ thuộc ¹³.

Thứ ba, khi kẻ khác diễn tả tình cảm và xúc động của mình, như buồn, sợ, tức giận, đau khổ ... Phương pháp Tâm Công của Nguyễn Trãi yêu cầu chúng ta thực thi bốn giai đoạn cụ thể:

1.- Nêu ra sự kiện khách quan, có phần vụ dẫn khởi khai chuyển hơn là làm nguyên nhân phát sinh xúc động và tình cảm. Theo ngôn ngữ của tâm lý Phật giáo, còn mang tên là Duy thức học, những yếu tố dẫn khởi ấy chỉ là "duyên" như nước tưới, đất màu, khí trời và ánh sáng giúp cho cỏ cây có điều kiện lớn lên, đâm chồi nảy lộc. Nhưng đó không phải là "Nhân", nghĩa là hạt mầm sinh ra cây cối. Hẳn thực, chính chúng ta là tác giả của cuộc đời chúng ta đang sống.

2.- Phản ảnh nghĩa là nói lại, vọng lại cho chính chủ nhân diễn tả hiểu rõ, có ý thức về những phản ứng tâm lý đang xảy ra trong nội tâm của họ.

Theo lời thú nhận của bạn, bạn đang buồn và lo. Có đúng như vậy không?

Cách phản ảnh tài tình và thích ứng sẽ được ghi nhận, khi người đối diện tỏ ra đồng ý và đồng thuận với chúng ta.

Nhờ đó, họ càng diễn tả nhiều hơn, dễ dàng hơn và thích hợp với thực tế nội tâm của họ.

3.- Tiếp theo đó, chúng ta phát hiện nhu cầu của chủ nhân diễn tả. *"Theo tôi hiểu, sau khi lắng nghe: bạn đang cần ..."*

4.- Nhiều khi chúng ta có thể khám phá tức thì ước muốn hay là lời yêu cầu của họ.

"Qua lời phát biểu, bạn cho tôi thấy : bạn đang ước muốn ... yêu cầu cơ bản của bạn là..."

Theo phân tâm học, khi thuyên giải, tôi chỉ có thể lặp lại hay là bắt chước ý kiến của kẻ khác. Tôi chọn làm của mình bao nhiêu tin tưởng hay lập trường đã được giao lưu trong môi trường sinh sống, bằng những phương tiện truyền thông xã hội.

Ngược lại, khi diễn tả xúc động, tôi mặc khải, bày tỏ thực tế, thực tại chủ quan và độc đáo của tôi. Nhờ đó kẻ khác có khả năng hiểu tôi và thỏa mãn, đáp ứng nhu cầu của tôi.

Thay vì diễn tả một cách trung thực, nghĩa là có sao nói vậy, một cách đơn sơ, trực tiếp, nhiều người vì thiếu tôi luyện và học tập, có xu thế đi vòng vo tam quốc, hay là trình bày cách úp mở, gián tiếp, còn mang tên là xuyên tạc, bóp méo. Và cách xuyên tạc thông thường có mặt ở khắp nơi là tố cáo, phê phán, đổ lỗi, mạ lị, tấn công người khác, thay vì nói lên những nhu cầu thâm sâu và những nguyện vọng thiết tha của chính mình.

Thậm chí trong điều kiện và trường hợp xuyên tạc như vậy, những ai có khả năng và kỹ thuật lắng nghe (nghĩa là vừa có tâm, vừa có tài), người ấy vẫn nhận ra những tình cảm và xúc động của người đối diện.

"Qua cách hoa tay múa cánh và nét mặt hung hăng của bạn, tôi thấy bạn đang bức tức giận dữ, phải không?

- *"Tôi cảm nhận rằng bạn đang có những xúc động mạnh, nhưng chưa biết gọi tên là gì. Bạn có thể chia sẻ nói cho tôi hiểu rõ thêm về nhu cầu hiện tại của bạn ..."*

Tâm công chính là công việc nhận ra, đón nhận, nhìn nhận và coi trọng những nhu cầu tình cảm của người khác.

Khi coi trọng như vậy, chúng ta lựa chọn vị trí làm đồng minh, đồng bào. Đồng thời chúng ta sáng suốt khước từ vị trí và thái độ làm thù nghịch, đối phương. Nhìn nhận và coi trọng như vậy, trong tiếng Pháp là Valider, nghĩa là đánh giá cao. Xúc động và tình cảm được coi là một giá trị, chứ không phải là điều xấu hổ cần che giấu. Khi chúng ta dồn nén, kiểm duyệt, ức chế xúc động, bất kỳ xúc động gì, chúng nó không biến tan, không bị tiêu diệt. Dưới những bộ mặt nguy trang, chúng nó xuất hiện ở chỗ khác và khi ấy khả năng tác hại của chúng nó còn lớn lao hơn trước và rất khó hóa giải.

Nói tóm lại, khi nhìn nhận và coi trọng tình cảm và xúc động của ai, chúng ta tạo điều kiện thuận lợi và tốt hảo cho phép người ấy thành người.

Thêm vào đó, khi những xúc động mãnh liệt như hận thù, ghen ghét, hiềm khích, nghi kỵ được diễn tả bằng ngôn ngữ chia sẻ, trao đổi, chúng nó không còn mượn con đường bạo động, đâm đá, sát hại, thủ tiêu ... Bao lâu còn có khả năng nói qua nói lại, trao đổi, chia sẻ và đối thoại, vấn đề cho dù trầm trọng gây cản đến đâu cũng có con đường hóa giải. Theo lối nhìn của G.G. Jampolsky ¹⁴, "No matter what the problem, love is the answer", bất kể vấn đề là gì, trầm trọng đến đâu chẳng nữa, tình thương là câu trả lời. Là cách giải đáp. Và chỗ nào có tình thương, chỗ ấy không có bạo động. Nguyễn Trãi đã khẳng định cách đây hơn năm thế kỷ :

"Lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn,

Lấy chí nhân mà thay cường bạo".

Nhân nghĩa là gì, nếu không phải là tình thương, tình người, giữa những người nhìn nhận nhau là Người Đãi ngộ nhau với tư cách "làm người" ngày ngày đổi mới, đánh sáng không ngừng, theo lời dạy "nhật nhật tân, hựu nhật tân" của người xưa trôi lại cho chúng ta.

Động tác thứ năm trong sách lược Tâm Công là xây dựng quan hệ hài hòa, đồng hành và chia sẻ. Giữa ta và người, không có kẻ thắng người thua. Về mặt tư cách và giá trị làm người, không có kẻ trên người dưới. Mọi người bình đẳng. Khi

phải thuyền giải, nghĩa là tìm ra ý nghĩa và hướng đi cho cuộc sống làm người và thể thức xây dựng đất nước, mọi người là thành viên toàn phần trong cộng đồng, đất nước. Ai ai cũng có tiếng nói. Ai ai cũng có quyền phát biểu. Ai ai cũng có quyền khác biệt. Chỗ nào có "bá nhân" (một trăm người), chỗ ấy có "bá tánh" (một trăm ý kiến). Đó là lẽ thường tình và tự nhiên. Đó cũng là qui luật tất yếu, phải có trong cuộc sống.

Tuy nhiên, khác biệt mà không khai trừ, loại thải nhau, hay là tranh chấp và xung đột.

Xung đột chỉ xảy ra, khi nào trạng nhị nguyên đàn áp, ức chế quan hệ đồng hành và chia sẻ. Lúc bấy giờ "lý kẻ mạnh bao giờ cũng thắng". Mỗi người tranh giành cho mình phần thắng, phần hơn, phần có lý ; và tìm cách "hạ bệ" kẻ khác về mặt giá trị và quyền lợi. Một cách đặc biệt, khi có một vấn đề xảy ra, gây khó khăn cho cuộc sống, hay là ngăn cản bước tiến của toàn thể cộng đồng, đất nước, quê hương ... Nếu chúng ta mang não trạng nhị nguyên, chúng ta sẽ phân chia anh chị em đồng bào thành hai phe trắng đen rõ rệt : một phe bạn, một phe thù. Phe bạn bao gồm những người được chúng ta đánh giá là "yêu nước chân chính". Phe thù bị qui chụp và kết tội là "bán nước, phản bội, đồi trụy ...".

Nếu chúng ta có một lối nhìn "Tâm Công" giống Nguyễn Trãi, chúng ta sẽ thấy trong một cộng đồng quê hương, mọi thành phần phía bên này cũng như phía bên kia, người làm dân cũng như người lãnh đạo, mọi người đều liên đới với nhau, cùng chia sẻ một trách nhiệm. Ai ai cũng đóng góp phần mình, tùy hoàn cảnh, địa vị và thực tế của mình.

Ai mất nước khi Quân Minh xâm lăng Đại Việt? - Toàn dân, toàn quân, từ vua, triều đình đến mỗi người dân đen vô danh tiểu tốt!

Ai có bốn phen chiến đầu để thu hồi chủ quyền cho Đại Việt? - Cũng toàn dân, toàn quân!

Trong cuốn tiểu thuyết Vạn Xuân, những cô gái như Tiểu Mai, Hương Thầm ¹⁵ bị quân chúng "khạc nhổ, khinh thị ...". Trong bóng tối, chính họ đã đóng góp phần mình một cách rất hữu hiệu cho công cuộc kháng chiến. Không có cái chết của Tiểu Mai, chưa hẳn Nguyễn Trãi đã ra đi, tiếp xúc với nghĩa quân của Lê Lợi. Không có Hương Thầm can thiệp một cách kín đáo, tế nhị bên cạnh Hoàng Phúc, vị tướng lãnh của Quân Minh, chắc hẳn Nguyễn Trãi đã chết rũ tù và Bình Ngô Sách không bao giờ ra đời ...

Động tác thứ sáu là gieo vãi và gặt hái thành quả của cuộc hôn phối âm và dương, nước và non, Tiên và Rồng, thuyền và nước. Nói cách khác, đó là khả năng chuyển biến từ không ra có, từ yếu thành mạnh, từ ít ra nhiều. Lối nói chuyên môn trong tiếng Anh, có khả năng diễn tả động tác này, là Synergizing. Theo cách giải thích của St. Covey, khi biết kết hợp một cách hài hòa hai đối lực khác biệt nhau, kết quả cụ thể không phải là một tổng số, nhưng là một nhân số. Một cộng với một, trong ý nghĩa và chiều hướng "Tâm Công", không phải thành hai, nhưng thành "Vạn Xuân". Khi lấy thương trả lời cho ghét, khi lấy đoàn kết trả lời cho chia rẽ, khi lấy an hòa trả lời cho bạo động, khi lấy bao dung trả lời cho kỳ thị, khi lấy vô úy nghĩa là tinh thần bất khuất trả lời cho bom đạn, súng ống .. Chúng ta làm cho anh chị em đồng bào trở thành bất tử. Chúng ta xây dựng đất nước thành Vạn xuân, một mùa Xuân trường cửu, bất tận.

Nói tóm lại, sách lược "Tâm Công" của Nguyễn Trãi đánh sáng và làm mới lại gia tài của Lạc Long Quân và Bà Âu Cơ. Nếu ý thức được rằng mình đang mang hai dòng máu Tiên và Rồng, mỗi người Việt Nam sẽ cố quyết trở nên con người trọng đại và cao cả, đúng như lời thơ của thi sĩ Trữ Vĩ:

"Bởi vì mắt thấy Trời Xanh,

"Cho nên mắt cũng long lanh màu trời.

"Bởi vì mắt thấy Biển Khơi,

"Cho nên mắt cũng xa vời đại dương".

Động tác thứ bảy là ngày ngày đánh sáng lại Đức Sáng làm người đã có mặt trong mỗi người. Tâm Công trong lăng kính ấy, không bao giờ là điểm đến, nhưng là một tiến trình không bao giờ kết thúc chấm dứt. Tâm Công nói được là một lời thề keo sơn gắn bó giữa những con người mang nặng Nước và Non trong quả tim của mình, theo như lời nhắn nhủ của thi sĩ Tản Đà ¹⁶:

"Non cao tuổi vẫn chưa già,

"Non thời nhớ nước, nước mà quên non.

"Dù cho sông cạn đá mòn,

"Còn non còn nước hãy còn thề xưa.

"Non cao đã biết hay chưa :

"Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.

"Nước non hội ngộ còn luôn,

"Bảo cho non nhớ có buồn làm chi.

"Nước kia dù hãy còn đi.

"Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.

"Nghìn năm giao ước kết đôi,

"Non non nước nước không nguôi lời thề".

*

* *

Chương hai

Tâm Công và chiến tranh chống xâm lược

Chính trong cuộc đời của Nguyễn Trãi, Sách lược Tâm Công không xuất đầu lộ diện một cách bất ngờ và nhanh chóng, cơ hồ một bài thơ hiện hình trong một thoáng chớp linh ứng. Qua bao nhiêu năm tháng, tâm công đã được ấp ủ cưu mang, từ ngày Nguyễn Trãi còn là đứa bé lên năm, sống với Ông Ngoại là Hoàng Thân Trần Nguyên Đán tại Côn Sơn. Suốt thời gian thơ ấu này, mảnh đất Côn Sơn đã "gieo trồng, vui tươi và làm lớn lên trong cõi lòng của Nguyễn Trãi ý thức về đất nước và quê hương. Quê hương không phải chỉ là cát sạn vô tâm, vô trí. Quê hương đồng hóa với sự sống và hạnh phúc.

"Côn Sơn Rừng tre rung rinh xa mút mắt, đồi núi chập chùng, chuông chùa gióng đã.

Côn Sơn! tiếng chày giã gạo liên hồi không dứt.

Mùi ngai ngái của thân lúa bị cắt là tất cả cánh đồng. Tiếng cười của các cô thợ dệt xinh đẹp là tất cả xóm làng. Và ngôi nhà của những năm tháng đầu tiên tươi đẹp là tất cả hạnh phúc"¹⁷.

Nhiều ca khúc bình dân như bài "Chùm khế ngọt" đang nhắc nhở cho giới trẻ về những tình tự sâu xa ấy :

"Quê hương là con đò nhỏ

"Êm đềm khua nước ven sông.

"Quê hương là cầu tre nhỏ

"Mẹ về nón lá nghiêng che.

"Quê hương là đêm trăng tỏ

"Hoa cau rụng trắng ngoài thềm.

"Quê hương mỗi người chỉ một

"Như là chỉ một mẹ thôi.

"Quê hương nếu ai không nhớ,

"Sẽ không lớn nổi thành người !"

Thi sĩ Giang Nam cũng diễn tả nỗi lòng tương tự:

"Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm

"Có những ngày trốn học, bị đòn, roi ...

"Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất

"Có một phần xương thịt của em tôi" ¹⁸.

Cũng trong chiều hướng ấy đối với Nguyễn Trãi, Côn Sơn là quê hương tình thương. Hạt giống "Tâm Công" đã được gieo vãi vào tâm hồn của Ông, tại chính nơi này :

"Dù cháu ở đâu, cháu phải giữ đạo Trung dung. Cháu loại bỏ lòng hận thù, tham lam, hung bạo. Cháu hãy vun trồng lòng nhân ái, tính minh mẫn, cao thượng như Ông cháu đã lấy gương sáng mà dạy dỗ cháu điều đó" ¹⁹.

Thường được phép có mặt trong những cuộc đàm đạo, trao đổi giữa Ông Ngoại và Thiền sư người Ấn Độ mang tên là Atangana, Nguyễn Trãi dần dần tiếp thu và hội nhập hai bài học về bản sắc văn hóa của đất nước và con người Đại Việt.

Bài học thứ nhất là lòng bao dung²⁰:

"Tôi là một con người đã trải qua những điều khủng khiếp kinh hoàng, Thiền sư Atangana nói . Trong đất nước này tôi đã tìm thấy nơi trú ẩn. ẽ đó người ta có thể tùy thích theo tín ngưỡng nào cũng được".

Hoàng Thân trả lời :

"Chùa chiến chúng tôi đưa ra một hình ảnh hùng hồn về sự đa dạng phong phú

của các thần linh mà chúng tôi thờ phượng. Có lẽ điều đó là do ở đáy lòng chúng tôi, chúng tôi luôn luôn sẵn sàng tiếp nhận những điều thuộc mọi tôn giáo có thể đem lại hạnh phúc trong cuộc sống đời nay và sự cứu rỗi ở đời sau.

Rốt cuộc, mỗi người chúng tôi thích nghi các tín điều và nghi thức tôn giáo của mình với những xác tín cá nhân và địa vị trong gia đình hay xã hội của mình".

Bài học thứ hai là khả năng đấu tranh chống xâm lược, không chấp nhận bị đồng hóa với bất cứ giá nào, luôn luôn bảo vệ bản sắc khác biệt và độc đáo của mình ²¹.

"Quả thật, Hoàng Thân nói, nằm giữa Ấn độ mà thầy nói là thần bí và Đế quốc Phương Bắc mà cốt lõi của nó là siêu hình sâu sắc, người Việt chúng tôi khác hẳn. Chúng tôi đã vươn đến chỗ thương thức sự chùng mực. Ngay từ đầu, chúng tôi đã gặp được những nhà sư Ấn Độ trên đường sang Trung Hoa và ngược lại gặp những khách hành hương từ Quảng Đông sang Ấn Độ. Và chúng tôi đã chắt lọc lấy những điểm cốt yếu và thích nghi vào bối cảnh đất nước chúng tôi.

Chúng tôi đón tiếp mọi người và mọi ý tưởng đến nhà mình. Chỉ có một điều mà chúng tôi không dung thứ là chúng tôi không thể ngồi yên để cho người ta xâm lấn quê hương chúng tôi. Bài học này chúng tôi học được nhờ Đế quốc Phương Bắc. Một bài học dài mười thế kỷ !"

Hắn thực trong quá trình lịch sử, từ lúc đất nước còn mang tên là Vạn Xuân cho đến năm 1400, Đế quốc thực dân đã bị con dân Đất Việt đẩy lui nhiều lần ²²:

Lần thứ nhất, Lý Bôn đánh đuổi bọn thứ sử Tiều Tư vào cuối thế kỷ thứ VI (544-603).

Năm 939, Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng.

Năm 981, Lê Hoàn phá vỡ quân Tống ở Chi Lăng.

Năm 1076, Lý Thường Kiệt chặn đứng quân Tống trên sông Như Nguyệt.

Vào thế kỷ 13, ba lần quân Mông Cổ bị Nhà Trần đánh bại tan tành, mặc dù từ Á qua Âu, họ đã quét sạch mọi lực lượng kháng cự, trên những chặng đường tiến quân ồ ạt và vũ bão.

Hai bài học trên đây cho phép Nguyễn Trãi tìm ra con đường phải đi. Sau khi Hồ Quý Ly và cha mình là Nguyễn Phi Khanh bị bắt đem về Trung Hoa.

Trong những văn phẩm về Nguyễn Trãi, hầu như tác giả nào cũng nêu lên câu hỏi : Sau khi từ biệt cha và em ở biên giới Việt Trung, Nguyễn Trãi đã làm gì, ở đâu, đi đâu từ 1407 đến 1417, năm mà Bình Ngô Sách được dâng lên cho Lê Lợi ở Lũng Nhai ? Ngoài thời gian bị câu lưu ở Thăng Long, dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của tướng Hoàng Phúc, Nguyễn Trãi có dịp qua lại Trung Hoa hay không ? Nguyễn

Thiên Thụ đã chứng minh là có ²³.

Xét về câu hỏi "Nguyễn Trãi đã làm gì ?" Chúng ta có thể đề xuất những công việc chủ yếu sau đây:

- *Thứ nhất:* Khảo sát và khám phá người nào là "Minh chủ" có khả năng tập hợp toàn dân.
- *Thứ hai :* Kiện toàn sách lược tâm công và soạn thảo "Bình ngô sách".
- *Thứ ba:* Chia sẻ "Tâm Công" với một số bạn bè, đồ đệ thân tín, để rút tía những ưu khuyết điểm, đặc biệt trả lời vấn nạn "làm sao dung hợp Tâm Công với ý chí bất bạo động, khi phải đối đầu với quân Minh xâm lược đất nước và bóc lột đồng bào cách tàn bạo".

Ai là Minh Chu ?

Đó là câu hỏi thứ nhất cần có giải đáp.

Vào thời đại của Nguyễn Trãi, Minh Chủ là Nhà Vua. Theo tin tưởng thông thường của người dân, Nhà Vua thay thế Trời để trị dân. Vị nào thi hành "Mệnh trời" một cách đúng đắn và nghiêm minh, vị ấy lo lắng cho dân, không hề dám lơ là điều gì hết : không tưởng thưởng ai theo ý thích cá nhân và cũng không trừng phạt ai vì hằn thù riêng rẽ chủ quan. Theo lối đánh giá bình dân, dưới triều đại của một vị Vua anh minh, sáng suốt và đạo đức, Trời không cho phép xảy ra lụt lội, mất mùa, đói kém, dịch tễ, chiến tranh ... ²⁴.

Theo ngôn ngữ và lễ lối tổ chức chính trị của đất nước ngày hôm nay, Vị minh chủ còn được gọi là nhà lãnh đạo.

Ồ vào thời điểm của Nguyễn Trãi, chung quanh 1417, sau mười năm đô hộ của quân Minh, "trong lòng dân chúng ở khắp nơi trong nước Đại Việt, bắt đầu nổi lên hình ảnh mà các thế hệ tương lai sẽ mãi mãi ghi nhớ. *Đó là một con người có khả năng liên kết những kẻ dũng cảm, biết mời gọi các bậc hiền tài, đón tiếp những kẻ đào tẩu. Người ấy cũng có khả năng nghiên cứu địa lý, địa hình và nghệ thuật chiến tranh ... nhằm dẹp yên con đại loạn*" ²⁵.

Lê Lợi, tại chiến khu rừng núi Chí Linh, thuộc tỉnh Nghệ An, là hiện thân cũng là niềm hy vọng của cuộc nổi dậy này.

Tuy nhiên, sau khi băng ngàn vượt núi, trải qua mọi hiểm nguy để đến quan sát, tiếp xúc với Lê Lợi "bằng xương bằng thịt" trong cuộc sống cụ thể hằng ngày ... Nguyễn Trãi đã thất vọng, không gặp được vị Minh quân lý tưởng theo các tiêu chuẩn mà Ông đã ấp ủ tưởng tượng trong khuôn khổ của sách lược tâm công được nghiên cứu và soạn thảo ²⁶:

Tiêu chuẩn một: Vị Minh quân phải có khả năng *tập hợp toàn thể* đất nước lại, dưới là cờ Nhân Nghĩa. Chỉ có "toàn dân" mới thắng được quân thực dân xâm lăng.

Tiêu chuẩn hai : Vị Minh quân lo *nỗi lo của dân*, biết ưu tư đến việc cải thiện số phận nhân dân. Cứu nước phải được đồng hóa với cứu dân.

Tiêu chuẩn ba: *Con đường nhân đạo* thay thế cho chính sách tàn bạo và man rợ. Bạo lực chỉ được sử dụng một cách chính đáng, khi cần thiết. Vị Minh quân có khả năng "Tri chí", dừng lại.

Tiêu chuẩn bốn: *Thuyết phục, thương lượng* để làm tan rã sức mạnh của quân địch, thúc giục chúng đầu hàng mà chẳng cần giao chiến. *Cương và Nhu được kết hợp trong mỗi hành động đối nội cũng như đối ngoại.*

Nói tóm lại, theo con đường Tâm Công, chúng ta có chính nghĩa khi chúng ta có sự đồng tình của toàn thể nhân dân. Nhờ chính nghĩa, chúng ta có khả năng nối kết chặt chẽ ba mặt trận : sự tấn công của quân kháng chiến, sự nổi dậy đồng loạt và khắp nơi của nhân dân, hành động thu phục nhân tâm phía ta cũng như phía địch.

Sau khi mục kích với chính đôi mắt của mình, cảnh tượng Lê Lợi đang ngồi ăn ngấu ngiến một miếng thịt vẫn còn dính máu, dùng mã tấu để róc xương, mở to miệng xia răng và phun các mảnh vụn thức ăn ra xung quanh ... Nguyễn Trãi đã hải hùng chạy trốn. Chàng nguyên rủa ý kiến của người anh bà con là Trần Nguyên Hân đã đưa chàng đến tận nơi đây. Chàng thét lên một cách khó chịu và giận dữ bỏ ra đi :

"Con người ấy, không phải là một đấng Minh quân!"

Giữa lúc ấy, lời nhận xét của một đạo sĩ mang tên là Vô Kỹ, đã đánh thức Nguyễn Trãi và giúp chàng đánh giá lại thái độ của mình.

"Có phải anh giống người nông dân nọ than thở mùa màng không chịu mọc ; khi mà anh ta không chịu gieo trồng?" ²⁷.

Trong cuốn tiểu thuyết Vạn Xuân, nhân vật Vô Kỹ là một hư cấu, do tài năng và nghệ thuật của văn sĩ Y. Feray sáng tạo, tưởng tượng. Tuy nhiên, đó cũng là tiếng

nói lương tri có mặt trong nội tâm của Nguyễn Trãi, đã được Ông Ngoại và cha mình gieo vãi, vun trồng, tưới tắm, từ ngày Ông học bập bẹ bốn chữ nho đầu tiên là Nhân, dân, Thiên, địa (con người, dân tộc, Trời và đất)²⁸. Nhờ tiếng nói của Lương Tri, Nguyễn Trãi đã khám phá ra thêm bốn chiều kích và ý nghĩa mới, để bổ túc những gì đang còn thiếu trong sách lược tâm công.

Chiều kích thứ nhất: Vị Minh Quân không phải là mưa sương từ trời rơi xuống. Vị lãnh đạo của đất nước phải do mỗi người dân tạo dựng, giáo dục, nuôi dưỡng. Cơ hồ Thánh Gióng đã nhận lãnh từ tay của anh chị em đồng bào thôn xóm : lương thực, áo sắt, ngựa sắt và gươm sắt²⁹.

Chiều kích thứ hai: Ý dân là ý trời. Dân phải được hiểu là những người đang bị quân Minh bóc lột và tàn sát. Trên đường đi, trong quán trọ, chung quanh chợ búa, tại bến đò ... mọi người đang hướng về Lê Lợi, đang kêu tên Lê Lợi trong những giấc mơ làm người của mình. Thậm chí những xác chết nằm la liệt ở khắp nơi cũng muốn đất trời sáng lại. Người vật sống lại. Tre trúc mọc lại. Thấy được và nghe được người dân lầm than là hiểu được "mệnh trời", tri thiên mệnh.

Bao nhiêu cảnh tượng trước mắt nhắc cho Nguyễn Trãi nhớ lại bài học của Ông Ngoại³⁰.

"Trong những việc của thế gian, con người thực sự là con người không có một thái độ từ chối hay chấp nhận cứng nhắc. Sự công bằng là qui tắc sáng soi hành động và thái độ của người ấy". Chỉ có tình thương mới cho phép chúng ta thấy những điều vô hình và thứ tha những tồn tại tất yếu thuộc điều kiện và thân phận làm người. Chỉ có tình thương mới khám phá được mỗi giây kết hợp chúng ta, đằng sau những dị biệt giữa người này và người khác.

Chiều kích thứ ba: Không phải duy chỉ Lê Lợi mới là vị Minh Quân của Đại Việt, dưới thời đô hộ của quân Minh. Đất nước là một cơ thể bao gồm nhiều cơ phận. Tay cũng quan trọng giống như Chân, Đầu, Tim, Phổi, Dạ dày, ruột non ... Mỗi chi thể có phận vụ riêng biệt. Nhưng về mặt giá trị, mọi cơ phận đều có phần đóng góp năng động, tạo sự sống cho toàn thân.

Trong chiều hướng và ý nghĩa ấy, mỗi người dân ôm nặng Đất nước trong cõi lòng của mình. Từ trên xuống dưới, ai ai cũng thực thi vai trò lãnh đạo của mình, ở vị trí của mình. Trên đây tôi đã nói tới Tiểu Mai và Hương Thâm. Trong cuộc chiến chống quân Minh xâm lăng, về mặt hữu hiệu, tạo nên kết quả cụ thể, đó cũng là hai vị anh hùng hay là hai vị minh quân. Họ đang áp dụng "Tâm Công" của Nguyễn Trãi với hai bàn tay, khối óc, nhất là với trọn tấm lòng của mình, để bảo vệ Đại Việt.

Không có một quan niệm lãnh đạo năng động và tương sinh như vậy, chúng ta không phát huy tinh thần đồng trách nhiệm và liên đới trong công cuộc xây dựng đất nước.

Ba động tác 1, 2, 3 của Tâm Công, được trình bày trong chương Một cho phép chúng ta từ bỏ não trạng lệ thuộc, bị động, để trở nên một công dân tự lập trong một đất nước độc lập. Ba động tác 4, 5 và 6 giúp chúng ta trở thành tương tức, tương tác và tương thành đối với mỗi người anh chị em đồng bào. Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ. Trước khi chờ đợi, đòi hỏi mọi điều từ người đồng bào, chúng ta đã làm được gì cho họ?

Chiều kích thứ bốn: Nước nâng đỡ thuyền. Dựa vào nước, thuyền mới có khả năng xuôi ngược, lên nguồn xuống biển. Làm Trời như Bà Âu Cơ và trở thành mệnh mông, rộng lượng như Lạc Long Quân.

Khi đề cập quan hệ giữa Nước và Thuyền, cho đến nay, hình như mọi tác giả đều bỏ quên một tư tưởng rất tiên bộ, đi ngược lại với Khổng học giáo điều, bảo thủ, cứ nhai đi nhai lại Trung hiếu, để làm cho bao nhiêu thể hệ kệt cứng, không đổi mới được những quan hệ giai cấp, thống trị khi người dân bị áp bức, bóc lột, giam đối, giam tù.

Không những Nước có thể mà còn có trách vụ lật đổ thuyền, nếu thuyền ấy đã mục nát, suy đồi, nhất là về mặt tình người. Khi không còn tôn trọng và phục vụ con người trong mỗi người dân, người lãnh đạo phải bị lật đổ, bị truất phế. Tốt hơn hết là họ tự động ra đi!

Cũng trong tinh thần, ý nghĩa và lăng kính này, văn hóa Việt Nam đặt Cộng đồng Đất Nước lên trên Dòng họ, gia đình. Phép Vua thua lệ làng. Một miếng giữa làng bằng một sàng ở xó bếp. Tình nghĩa đồng bào, theo ý nghĩa của Huyền sử Rồng Tiên, phát xuất từ một tấm lòng duy nhất, một bọc trứng, hơn là từ máu huyết về mặt sinh lý. Cơ cấu tổ chức theo triều đại, dòng họ trong văn hóa của Trung Hoa quá đặt nặng Trung hiếu và bỏ quên tình nghĩa đồng bào.

Trái lại, tổ tiên, cha ông chúng ta từ nguyên thủy Rồng Tiên đã coi trọng Tâm Lòng. Tâm Công của Nguyễn Trãi thuộc về truyền thống văn hóa ấy.

Trong câu chuyện Bánh dày bánh chưng, không có vấn đề cha truyền con nối một cách tự động và máy móc. Trái lại, ai có tâm lòng Tròn Vuông như Trời Đất, người ấy có khả năng lãnh đạo đất nước. Truyền ngôi chỉ là một lễ nghi bên ngoài xác nhận một thực tại "Truyền Tâm" ở bên trong.

Đóng góp và lãnh đạo trong phương pháp cấu trúc

Theo lối nhìn của khoa tâm lý đương đại, đất nước, dân tộc ... tất cả những tổ chức sinh động thuộc thể giới con người, được xem là một cấu trúc toàn diện hay là một Đại Thể. Nhiều thành tố khác nhau hợp lại, cấu thành Đại Thể ấy. Và Đại thể ấy, ở một diện khác lại là thành tố của một Đại Thể to lớn hơn.

Chẳng hạn nước Đại Việt là một Đại thể có bản sắc đặc trưng và độc đáo của mình, không thể bị đồng hóa hoặc giản lược vào một bản sắc khác, cho dù đó là bản sắc của văn hóa Trung Hoa. Tuy nhiên, trên phương diện bảo vệ nhân quyền hay là bảo vệ môi trường sinh thái của Địa cầu, nước Việt Nam chỉ là thành tố của một Đại Thể khác. Cho nên, nước Việt Nam cũng như nước Trung Hoa, hay một cường quốc khác như Anh, Pháp, Nga, Mỹ không có quyền cũng như không có phép làm ô nhiễm môi trường hoàn vũ với những chương trình thử bom nguyên tử của mình. Trong địa hạt nhân quyền cũng vậy, các nhà lãnh đạo của một xứ sở không có quyền và có phép giết ai thì giết, giết bằng cách nào cũng được. Quyền lợi làm người vượt lên trên mọi biên giới của các xứ sở, địa lục. Xu thế "hoàn vũ hóa" (tiếng Pháp Mondialisation) trong nhiều sinh hoạt của con người thuộc thể giới ngày hôm nay, không cho phép một xứ sở, một chính phủ sống lập dị, đứng ra ngoài, không tôn trọng một số qui luật làm người tất yếu.

Ngoài ra, trong giới hạn của một cơ cấu toàn diện, toàn phần hay là một Đại thể, giữa các thành tố với nhau, có những quan hệ nhân quả qua lại hai chiều. Tôi lãnh đạo đất nước, nhưng toàn dân có quyền đánh giá chính sách hoạt động bằng nhiều hình thể khác nhau. Khi Nguyễn Trãi nói về dân, Ông cố tình gây ý thức cho mọi người trên dưới biết rằng : dù ở địa vị nào, họ cũng là dân. Phải biết "làm dân" mới có khả năng lãnh đạo.

Trước đây, tôi đã đề cập về những ảnh hưởng qua lại này khi trình bày vai trò của tương tác liên đới, đồng trách nhiệm. Hình tượng Nước nâng đỡ thuyền và nước lật đổ thuyền, thường được Nguyễn Trãi sử dụng, mang nhiều ý nghĩa và giá trị trong quan niệm đương đại về lãnh đạo, trong thế giới con người. Lật đổ những lãnh đạo áp bức, bóc lột là trách nhiệm của từng người dân.

Chính vì lý do này, sau khi chọn lựa chiến tuyến của Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã tức khắc đóng góp phần mình một cách năng động. Nguyễn Trãi chọn lựa, quyết định "thuộc về" Lê Lợi. Chia sẻ trách nhiệm cứu nước, cứu dân với Lê Lợi. Ý thức "thuộc về" không có nghĩa là thoái hóa, trở lui tình trạng ấu trĩ và lệ thuộc, như trường hợp của những thành viên gia nhập những giáo phái cực đoan, bảo căn. Tiếng Pháp phân biệt một cách rõ rệt Appartenance, thuộc về và Inclusion, sát nhập, tan loãng bên trong.

Vì ý thức trách nhiệm đóng góp xây dựng cho Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã nhiều lần "dám chết", suýt chết dưới lưỡi gươm của Lê Lợi. Nếu không có một sức mạnh toát

ra từ tâm lòng "vô úy", "vô trước" của Nguyễn Trãi, nghĩa là không sợ, không đòi hỏi đền bù ; chắc hẳn Lê Lợi không thể chế ngự xu thế bạo hành tự nhiên của mình. Lúc ban đầu Lê Lợi chưa tiếp thu mọi ý nghĩa của Tâm công.

Nói khác đi, khi "thuộc về", chúng ta vẫn bảo tồn nguyên vẹn bản sắc của mình. Khi "lệ thuộc, bị sát nhập, đồng hóa", chúng ta mất quyền làm chủ. Chúng ta bị biến thân làm đồ vật, đối tượng. Chúng ta khoán trắng cho kẻ khác, để họ làm người thay thế chúng ta. Nói đúng ra, ai tiếm đoạt quyền làm người của người khác, chính người ấy cũng đang thoái hóa làm thú vật tàn sát, đàn áp kẻ khác. Họ không còn là con người. Khi tri hô và chụp mũ ai là "chó dại" nhằm sát hại và thủ tiêu người ấy, chính dương sự đang hóa thân làm "chó dại", đối với người anh chị em.

Những loại đóng góp của Nguyễn Trãi

Sau một đêm suy nghĩ tại quán trọ, bên cạnh bến đò, Nguyễn Trãi đã trở lui với Lê Lợi ³¹. Với Bình Ngô Sách, Ông đã cống hiến cho Lê Lợi bốn loại đóng góp khác nhau, khá dĩ nâng cấp chất lượng của vị này trong chiều hướng hiểu biết luật trời, luật đất, luật biến cố và luật của lòng người.

Dưới hình thức sự cố, Y. Feray đã trình bày những bước diễn tiến trong sự hợp tác và gắn bó của hai nhân vật này. Tuy nhiên, như tôi đã nhấn mạnh, dưới hình thức tiểu thuyết, tác giả phác họa chân dung của một nhân vật lịch sử. Với khoảng cách 600 năm, bao nhiêu tài liệu lịch sử đã bị thất lạc. Nhiều tin tức, sự kiện không thể được kiểm chứng theo tinh thần và phương pháp của khoa sử học. Với cách kết cấu tiểu thuyết, tác giả chỉ làm công việc truyền giải nghĩa là giới thiệu và trình bày một lối nhìn, một chiều hướng nhận thức, một cách tổng hợp ý nghĩa. Khi đảm nhận công việc này, tác giả thú nhận một cách sáng suốt tính chủ quan của mình trong cách gạn lọc, xếp đặt, phê bình những tin tức thu lượm từ nhiều phương hướng khác nhau.

Thế nhưng, khi phải đánh giá : cái gì thực, cái gì hữu ích, cái gì nâng cao đức sáng làm người của độc giả, tiểu thuyết Vạn Xuân của Y Feray chưa hẳn kém chất lượng so với tác phẩm của Trần Huy Liệu, Võ Văn Ái, Bùi Văn Nguyên hay là Nguyễn Thiên Thụy... Nhờ có khoảng cách tự nhiên giữa mình và Đại Việt, nữ văn sĩ này đã tránh được thái độ "thu hồi", "mẹ hát con khen" hay là "thình lặn, đồng lõa".

Đóng góp thứ nhất của Nguyễn Trãi là giúp Lê Lợi đọc được luật trời. Với lối nhìn và ngôn ngữ ngày nay, đó là tinh thần khách quan và khoa học, không cho phép chúng ta lượn lẹo, "bịt mắt không nhìn, bịt tai không nghe và bịt miệng không dám nói". Khi nói, thí úp mở, tung hỏa mù, đánh du kích. Nụ cười bên ngoài ẩn giấu vũ khí trong tâm hồn.

"Ngồi xồm trước đồng lửa, chính giữa gian nhà, nhiều ngọn đèn to thấp sáng bên cạnh họ. Có hai người đang nhìn vào một cuốn sách và nói thấp giọng.

Qua những lời họ trao đổi, Nguyễn Trãi biết rằng họ đang tra cứu sách bói toán (...)

- Vào năm Kỷ Hợi 1419, giọng nói như tiếng đồng vang lên, chúng ta có thể bắt đầu hành động !

- Thừa Minh Chủ, Ngài đã tính sai rồi ! Nguyễn Trãi kêu lên với sự hăng hái có thể có.

Trước khi chàng kịp nhận ra, cánh cửa đã mở đánh rầm. Lê Lợi túm lấy búi tóc chàng vung gươm sắp sửa lấy đầu.

- Tôi đã đi theo Ngài vì điều đó, chàng nói với một giọng bình tĩnh lạ lùng, Ngài không nhận thấy sao? (...).

- Nếu như thế, người ngồi xuống và tính coi (...).

- Chính là năm Mậu Tuất 1418!

Lê Lợi và Lê Thử nhìn nhau. Và họ quay về phía Nguyễn Trãi. Dáng vẻ oai nghiêm của chàng làm người ta phải kính nể. Khuôn mặt thanh tú của chàng toát ra phẩm giá. Không thể chối cãi được, họ thừa nhận chàng là bậc thầy " ³².

Đóng góp thứ hai của Nguyễn Trãi là giúp Lê Lợi hiểu được Lòng người.

Lời của Nguyễn Trãi:

"Lợi dụng những lỗi lầm của triều đại nhà Hồ, đế quốc Bắc Phương đã xâm chiếm nước ta, bắt dân ta phải chịu những lao lung khủng khiếp.

Quân lính nhà Hồ có một triệu người, nhưng bị xé nhỏ bởi một triệu ý kiến khác nhau. Trước tiên là Trần Ngỗi, sau đó là Trần Quý Khoáng đã dựng cờ khởi nghĩa. Nhưng nội bộ họ chia rẽ: không có kế hoạch hành quân cũng không được dân chúng hỗ trợ, nên họ không tránh khỏi thất bại (...).

Chiến đấu chống nhà Ngô, chính là bảo vệ nền độc lập, chủ quyền sự, toàn vẹn lãnh thổ và nền văn hóa quốc gia.

Và cuộc chiến đấu ấy được liên kết, không thể tách rời với tình yêu thương nhân dân. Tình yêu này là một với tình yêu đất nước.

Chỉ khi nào biết dựa vào tình yêu ấy, người ta mới cứu được đất nước, chiến thắng sự mọi rợ và trừ bỏ bạo lực" ³³.

Đóng góp thứ ba của Nguyễn Trãi là chứng minh cho Lê Lợi sức mạnh của một tấm lòng bất khuất, vô úy có nghĩa là không sợ chết vì lẽ phải và tình thương.

Hắn thực, để gài bẫy bắt sống Lê Lợi, tướng Mã Kỳ đã tàn sát dã man tất cả dòng họ xa gần của Ông tại Lam Sơn. Chừng ấy chưa đủ, nhiều toán binh được sai đến ngọn đồi Phật Hoàng đào mồ, quật mã của cha mẹ tổ tiên họ Lê, lấy hài cốt ... Trên một con thuyền ngược dòng sông Lê Thủy, Hài cốt ấy được trưng bày, xúc phạm trước mắt của mọi người ... Quân Minh phục kích ở khắp nơi, sẵn sàng bắt sống Lê Lợi.

Trong một cơn khô đau kinh hoàng tột độ, Lê Lợi không còn khả năng đánh giá hoàn cảnh. Ông mang giáp bào, nhảy lên ngựa muốn ra đi báo thù rửa nhục. Lê Thạch, Lê Lai, Trần Nguyên Hân, đứng nhìn nhau im lìm, thỉnh lặng. Không một ai dám can ngăn.

Nguyễn Trãi bước ra, đứng trước mặt Lê Lợi, giữ chặt cương ngựa.

Lê Lợi rút kiếm đưa lên, sẵn sàng chém.

Bất động, Nguyễn Trãi, vẫn đứng thẳng, đưa mắt sáng ngời nhìn vào mặt Lê Lợi.

Trong một phút giây cực kỳ căng thẳng, mọi người chứng kiến một cuộc đấu tranh ác liệt giữa lưỡi gươm đã từng thấm máu, và một tấm lòng đại dương thâm lặng ... Rốt cuộc Lê Lợi hạ tay, xỏ gươm vào vỏ.

Nguyễn Trãi cúi đầu:

"Thưa Ngài Minh Chủ, xin Ngài đừng bao giờ quên : Trong thắng lợi cũng như trong tai ương hoạn nạn, chúng tôi tất cả luôn luôn sát cánh bên Ngài!"

Lê Lợi xuống ngựa. Hai người ôm nhau đi vào doanh trại. Họ đã ở bên nhau suốt đêm ³⁴.

Từ giây phút ấy, mọi người có mặt tại chiến khu Chí Linh và đã chứng kiến cảnh tượng đối đầu giữa con rồng Lam Sơn và con kỳ lân Côn Sơn, ai ai cũng xác tín rằng : ngày giải phóng của Đất Nước Đại Việt đã lộ rạng. Con Rồng đã nhận lãnh chiều cao của con Kỳ Lân! Khi hai con linh vật của thủy cung hợp lại, chúng nó làm tan đá, chảy vàng ...

Đóng góp thứ bốn của Nguyễn Trãi là gây ý thức cho Lê Lợi về vị trí của tinh thần bất bạo động giữa đoàn lũ có thói quen trả thù, đòi nợ máu, nhất là sau một thời gian bị đàn áp, bóc lột và tàn sát một cách dã man. Tuy nhiên, bao lâu chưa giải

phóng mình khỏi những gông cùm và ngục tù ... ở trong đáy sâu của tâm hồn, chính chúng ta trở nên ngục tù cho anh chị em đồng bào, ở sát bên cạnh chúng ta. Ngục tù này còn ác độc hơn ngục tù của thực dân.

Yếu điểm của "Tâm Công" đã bùng nổ ra một cách chói lọi vào mùa thu 1427. Sau gần mười năm chiến đấu, nghĩa quân Lam Sơn đã lớn mạnh, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Viện quân hơn 10 nghìn người do Minh Triều gửi qua bị phục kích và đánh tan tơi bời, phải rút về khỏi biên giới Đại Việt. Đông quan hay là Thủ đô Thăng Long bị bao vây tứ phía. Rốt cùng tướng chỉ huy Vương Thông viết thư cho Lê Lợi xin nghị hòa.

Nghe tin, tướng lãnh, binh sĩ của Đại Việt cũng như đoàn lũ nô lão, phụ nữ ... từ khắp nơi tập nập kéo về yêu cầu Lê Lợi tàn sát, tận diệt quân Minh, để báo thù cho tổ tiên và các vong linh đã hy sinh cho đất nước trong suốt 20 năm.

Toàn quân, toàn dân có mặt vái lạy và kêu van:

"Xin hãy giết sạch lũ giặc Tàu !" ³⁵.

Duy một mình Nguyễn Trãi, đơn thân độc mã, đứng lên đối diện với quần chúng đầy thù hận ³⁶:

"Trong hoàn cảnh như hiện nay, tấn công quân thù và uống máu chúng, thì chả khó khăn gì đối với chúng ta (...) Nhưng dự phóng lớn lao phải được xây dựng trên nhân nghĩa và công chính. Và nhân đức chính là ở chỗ biết bảo toàn các sinh mệnh để dành cho những viễn cảnh lâu dài hơn".

Sau đó Nguyễn Trãi lắng nghe, ghi nhận nhiều vấn nạn nổi lên từ mọi phía. Nhiều lời chỉ trích rất tàn ác, xuyên xẹo ... Nhiều lời mạ lị rất hèn hạ, lợi dụng cơ hội để xuất hiện ³⁷.

Trong cách trả lời của Nguyễn Trãi, theo tinh thần và đường hướng Tâm Công, chúng ta cần ghi nhận những bước tiến như sau:

Thứ nhất : Một cách thành tâm và đầy thiện cảm, Nguyễn Trãi không từ chối hay là phản bác lý luận của người phát biểu. Nguyễn Trãi Nhìn nhận xúc động và tình cảm của họ. Lòng ước muốn báo thù là một tình cảm tự nhiên và chính đáng.

Thứ hai : bên cạnh nhu cầu báo thù, Nguyễn Trãi gây ý thức cho mọi người nhìn thấy rằng họ có những nhu cầu làm người còn cao cả và trọng đại hơn, lâu bền hơn. Nhu cầu báo thù sẽ bùng lên và vụt tắt như ngọn lửa rơm. Trái lại, chúng ta cần lòng nhân từ và khoan hậu, để xây dựng một đất nước trường tồn và cao cả. Một đất nước "Vạn Xuân" ! Một đất nước "Đại Việt" nghĩa là vươn mình lên tận Bầu Trời, quê hương của Mẹ Âu Cơ.

Thứ ba : Nguyễn Trãi yêu cầu mỗi người hãy làm người tươi tắn hạt mầm hòa bình và nhân đạo trong quả tim, để làm bài học cho con cái và các thế hệ tương lai.

"Vun trồng cây Đức để nuôi con !"

Và Lê Lợi đã đồng tâm nhất trí với ý kiến của Nguyễn Trãi:

"Ngàn thế kỷ sau, biên niên sử mãi còn lưu lại hương thơm của sự việc này" ³⁸.

Lê Lợi vừa dứt lời thì đoàn lũ đồng loạt la lên:

"Hòa bình, hoan hô hòa bình!" ³⁹

Chúng kiến những biến đổi tâm linh ấy, một người học trò trẻ trung của Nguyễn Trãi đã hỏi Đạo sĩ Vô Kỵ:

"Hãy soi sáng cho tôi rõ tại sao đám đông khi nãy hò hét đòi chiến tranh. Giờ đây cũng đám đông ấy, lại reo hò với ngân âm niềm xác tín "Hòa Bình".

Vô Kỵ trả lời bằng cách trích dẫn lời của Lão Tử :

"Bạn không biết rằng con người mang trọn niềm tin cậy sẽ gây tác động trên vạn vật, làm lay động trời đất, làm xúc cảm quỷ thần. Người ấy đi qua sáu hướng vũ trụ, mà chẳng gì có thể chống lại được sao ?" ⁴⁰.

*

* *

Chương ba

Chuyển biến thù hận thành tình thương

Ý hướng chủ yếu mà chương này muốn trình bày là không có thù hận và bạo động trong sách lược Tâm Công của Nguyễn Trãi. Trái lại, chỉ có tình thương, mặc dù người đối diện thuộc quân Minh đang xâm lăng Đại Việt và tàn sát anh chị em đồng bào.

Khi khẳng định như vậy, phải chăng Nguyễn Trãi đang phản bội đoàn đoàn lũ lũ những vong linh đã can đảm hy sinh mình, để bảo vệ đất nước, qua bao nhiêu thời đại, từ đời các vua Hùng đến ngày hôm nay?

Để có thể khai quật chiều sâu thăm thẳm của Tâm Công, chúng ta sẽ lần lượt khảo sát những vấn đề sau đây:

- Nội tâm mang nhiều tầng lớp ý nghĩa và sinh hoạt khác nhau.
- Nội tâm giống như một dòng nước, một con sông. Bao lâu nó được khai thông và lưu nhuận, mọi vấn đề xảy ra trong cuộc đời sẽ từ từ được hóa giải. Ngược lại, khi chúng ta thiếu khả năng biến chế, tiêu hóa hay là chuyển biến tất cả những hiện tượng đang xảy ra trong nội tâm, chúng ta đánh mất quyền làm chủ. Chúng ta trở thành nạn nhân hay là đối vật trong tầm tay sử dụng của người khác.

Thế theo lăng kính này, tất cả vấn đề của chúng ta được cô đọng trong một khả lực : Biết hay là thấy. Nếu chúng ta biết chúng ta là ai, đang ở đâu, cần làm gì, cách nào, chúng ta sẽ tìm ra đòn bẫy và điểm tựa, đề dờn núi lấp sông, trong kế hoạch Tâm Công.

- Một cách đặc biệt, khi có một xúc động đang gây chấn động mạnh cho nội tâm, chúng ta có những chọn lựa nào, thay vì "nhắm mắt đưa chân, chờ xem con tạo xoay vần nơi nao?" Chúng ta chủ động, thay vì phản ứng, nghĩa là bị kích động từ bên ngoài.

Tác giả St. Cover thường kể câu chuyện sau đây cho độc giả trong nhiều tác phẩm của mình ⁴¹:

Hôm ấy trên chuyến tàu ra ngoại ô, tác giả ngồi bên cạnh một người đàn ông trạc 40 tuổi, với 4 đứa con 2 nam , 2 nữ. Vào lúc độ 5 giờ chiều, sau một ngày làm việc, ai ai cũng mệt nhọc, ngồi nhắm mắt nghỉ ngơi. Vài người khác thỉnh thoảng đọc báo. Duy chỉ 4 đứa bé kia gây náo động cho cả toa xe lửa. Chúng nó thét la, quấy rầy, đánh lộn. Một chốc sau đó, chúng nó làm phiền người này, giật tờ báo của người kia hay là bước lên chân của người nọ. Ai ai cũng tỏ ra bức bối, nhưng không làm điều gì để cải tiến hoàn cảnh.

Sau 10 phút, một số người bỏ đi, qua ngồi ở toa xe khác. Những người còn lại nhìn ra cảnh vật bên ngoài, cố tình tránh tiếp xúc.

Con bức bối càng lúc càng gia tăng. Trong nội tâm, tác giả lặp đi lặp lại những

câu chười thề, những lời phê phán tố cáo ... Cuối cùng, không còn chịu nổi, tác giả quay qua người đàn ông với giọng điệu mất bình tĩnh:

- Chắc hẳn ông là cha của 4 đứa bé này. Chúng nó quấy rầy mọi người ở đây, sao ông ngồi yên, không làm gì cả?

- Cha con chúng tôi vừa ở bệnh viện ra, người đàn ông trả lời. Mẹ chúng nó vừa qua đời vì bệnh ung thư. Lòng tôi rối tôi bởi không biết phải làm gì. Chắc chúng nó cũng bần loạn như tôi. Xin ông miễn lỗi cho chúng tôi.

Sau khi nghe lời thú nhận ấy của người đàn ông, tác giả và những người chung quanh đã thay đổi hẳn thái độ. Họ không còn trách móc, phàn nàn. Ai ai cũng cố gắng làm một cử chỉ yêu thương, nhất là đối với 4 đứa bé. Có người yêu cầu người cha cho phép mình mang một đứa bé về nhà một vài hôm. Câu chuyện cho thấy : khi yêu thương, chúng ta sáng tạo, chủ động, chúng ta thay đổi lối nhìn.

Theo khoa tâm lý đương đại, chúng ta có thể nhìn một người - bất kỳ người nào, thậm chí một tên lính thuộc quân Minh - vào những năm ở giữa 1407 và 1427 - từ 3 vị trí khác nhau ⁴²:

Vị trí thứ 1 : Đó là vị trí hiện tại của chúng ta với bao nhiêu hạn chế tự nhiên, ắt có, tất yếu. Đóng kín mình ở đây, chúng ta phản ứng nhiều hơn là sáng tạo, chủ động.

Vị trí thứ 2 : Vị trí của người đang được nhìn với bao nhiêu khổ đau và vấn đề trong cuộc sống. Chúng ta cố gắng mang tất cả tâm trạng hiện tại của họ. Khắc khoải cũng có, ước mơ cũng nhiều. Khuyết điểm cũng không thiếu.

Vị trí thứ 3 : Đây là vị trí của một người đang yêu thương chúng ta một cách tha thiết. Hoài bảo của người đó là chúng ta trở thành một con người "bao la và cao thượng" như Âu Cơ và Lạc Long Quân.

Đồng thời người này cũng biết rất tường tận về cuộc đời của người đang được chúng ta nhìn.

Chúng ta có thể tưởng tượng người thứ ba này là Nguyễn Trãi hay là nữ văn sĩ Y. Feray, đang mang sẵn trong mình một tấm lòng nhân ái mệnh mông như đại dương, bao la như bầu trời.

Người thứ ba này cũng có thể là Đức Bụt, Đức Kitô hay là "Ông Trời" của người Việt Nam.

Trong rất nhiều vấn đề, chúng ta chỉ "biết một" mà không "biết mười". Những người thuộc loại thứ ba này vừa biết một, vừa biết mười. Lối nhìn họ bao trùm tất cả.

Thông thường những người "biết mười" là những tâm hồn vừa khôn ngoan và hạnh phúc. Trong 10 điều có cả xấu lẫn tốt. Họ không đại gì chỉ thấy điều xấu. Họ biết tận hưởng điều tốt đang có mặt. Thêm vào đó, có gì hoàn toàn tốt và có gì xấu nguyên chất, bao lâu chúng ta còn có mặt trong lòng cuộc đời?

Hôm đó con ngựa của nhà nông phu lạc vào rừng và biến mất. Có người bạn hay biết, tìm đến chia buồn. Người nông dân trả lời: chuyện đâu sẽ vào đấy!

Sau mười ngày, con ngựa đi lạc trở về, rù theo nó mười con ngựa hoang trong rừng rất béo tốt và khỏe mạnh. Bạn bè trầm trồ: Nhà có phước ! Nghe vậy, người nông phu bình tĩnh trả lời: Chuyện đâu sẽ có đó.

Đứa con trai lên 20, thấy ngựa quá tốt đẹp, chọn một con để thuần hóa. Sau chưa đầy một tiếng đồng hồ, nó bị té ngã, gãy một chân. Bà mẹ khóc lóc, la lối om sòm. Người chồng vỗ về, an ủi : chuyện đâu sẽ vào đó.

Một tháng sau đất nước có biến loạn. Con trai trong thôn làng phải lên đường nhập ngũ. Đứa con của người nông dân được miễn dịch, vì không có khả năng di chuyển bình thường ! Hẳn thực, chuyện đâu sẽ vào đó.

Theo câu chuyện này, trong cái tốt có cái xấu. *Và trong cái xấu, hạt mầm của điều lành vẫn có mặt.*

Đặt mình vào vị trí thứ 3, chúng ta sẽ có một lối nhìn càng lúc càng rộng rãi, bao quát toàn diện và lạc quan.

Nội tâm với 4 phần vụ:

Để vun trồng cho mình khả năng thấy nhiều bộ mặt khác nhau của thực tại, chúng ta hãy khảo sát 4 phần vụ chính yếu của Nội tâm.

Phần vụ thứ nhất là tiếp thu, ghi nhận những tin tức khách quan bên ngoài, do thực tại hoặc môi trường cung cấp.

Đó là những hình ảnh tôi thấy, những âm thanh tôi nghe.

Từ một vị trí quan sát hoàn toàn giống nhau, hai người có thể ghi nhận hai loại tin tức hoàn toàn khác nhau, tùy vào tâm trạng hiện tại cũng như những điều kiện tâm sinh lý như đau đầu, khó tiêu, đói bụng, áp huyết cao ...

Trong một tai nạn xe hơi, hai chứng nhân có thể kể ra những dữ kiện trái ngược nhau. Để bổ túc những thiếu sót trong một tin tức, chúng ta có thể sử dụng kỹ thuật môi trường hóa, bằng cách nêu ra những câu hỏi như : ai, ở đâu, khi nào, cách nào, bao lâu ...

Phần vụ thứ hai là thuyên giải, nghĩa là rút ra những ý nghĩa, những kết luận, từ những tin tức khách quan đã thu nhận, hay là từ những sự kiện do nhiều người cung cấp.

Trước một số sự kiện giống nhau, hai người có thể đề xuất hai cách thuyên giải khác nhau, có khi mâu thuẫn với nhau.

Để hạn chế tối đa những xu thế gạn lọc, xuyên tạc hay là tổng quát hóa quá khích, còn mang tên là vơ đũa cả nắm, chúng ta cần thức tỉnh và sáng suốt trước hai hiện tượng thường xảy ra, khi chúng ta thuyên giải:

Hiện tượng thứ nhất là sự có mặt của những thiên kiến và thành kiến. Có lẽ trong một hoàn cảnh rất xa xưa, chúng nó là những tin tức rất xác thực, có nền tảng vững chắc trong thực tế. Nhưng bao nhiêu ngày tháng đã trôi qua, những dữ kiện mới đã thay thế những dữ kiện lỗi thời, lạc hậu. Không kiểm chứng, làm mới lại những tin tức, chúng ta có nguy cơ trở thành cố chấp, bảo thủ, bám sát vào một yếu tố không còn mang tính thời sự hay là giá trị khách quan.

Thiên kiến và thành kiến là những hệ thống tin tưởng (croyance trong tiếng Pháp và belief trong tiếng Anh) đã được thiết lập, vun trồng trong suốt thời kỳ thơ ấu, từ ngày chúng ta bắt đầu học nói tiếng mẹ đẻ. Cho nên, chúng nó luôn luôn có áp lực rất mạnh mẽ trên chúng ta. Chúng ta có thể so sánh những hệ thống tin tưởng ấy như những chương trình được chúng ta đưa vào hay có sẵn trong máy vi tính. Có chương trình đã lỗi thời. Nhưng nó vẫn còn nằm đâu đó ở bên trong. Chúng nó cản trở chúng ta sử dụng những chương trình mới mẻ và hữu hiệu hơn.

Hiện tượng thứ hai cản trở chúng ta thuyên giải một cách đứng đắn và không cho phép kẻ khác hiểu được chúng ta. Hẳn thực, thay vì đi lên một cách có thứ tự và hệ thống rõ ràng:

Bước 1 : sự kiện,

Bước 2 : giả thuyết

Bước 3 : kiểm chứng

Bước 4 : kết luận cuối cùng

Bước 5 : hành động

Bước 6 : đánh giá.

Chúng ta thường nhảy vọt lộn xộn, không theo tiến trình tự nhiên.

Thêm vào đó, từ bước 2 lên bước 5, mọi thể thức sinh hoạt đều xảy ra bên trong nội tâm. Từ ngoài, kẻ khác không thấy, không biết về cách thức suy luận của chúng ta. Chúng ta cũng không trình bày một cách rõ ràng và minh bạch, dùng ngôn ngữ để gọi ra ánh sáng tất cả những gì đang xảy ra trong nội tâm. Không cố gắng bộc lộ mình ra ngoài, mặc khải những đường đi nước bước của chúng ta khi thuyên giải cuộc sống và thực tại, chúng ta sẽ là người bí hiểm, bí nhiệm, bí mật, khó hiểu, bí kín ... trước con mắt của kẻ khác.

Thế nhưng, mặc dù cởi mở tới đa, sống trong giờ phút hiện tại, mở mắt mở tai để đón nhận tiếp thu mọi tin tức khách quan từ mọi phía, cố gắng kiểm chứng mọi nguồn tin ... Chúng ta mỗi người vẫn còn mang đầy tính chủ quan, khi phát biểu, diễn tả. ẽ đâu có một trăm người (bá nhân) ; ở đó có một trăm cách thuyên giải khác nhau (bá tánh). Không cách nào giống cách nào.

Trong lăng kính ấy, mỗi lần thuyên giải, chúng ta có 5 lối hành xử cần luôn luôn phát huy, kiện toàn và bổ túc:

Thứ nhất là đảm nhiệm một cách sáng suốt, can trường và trung thực tính chủ quan của mình. Không bao giờ chúng ta khách quan hoàn toàn 100 phần trăm, khi thuyên giải.

Thứ hai là tôn trọng lẽ lối thuyên giải khác biệt và độc đáo của kẻ khác. Họ có quyền khác chúng ta.

Thứ ba là lắng nghe, tìm hiểu cách thuyên giải của kẻ khác. Yêu cầu họ phân biệt thật rõ ràng đâu là sự kiện, đâu là giả thuyết, đâu là kết luận, sau khi rà soát, kiểm chứng mọi tin tức, dữ kiện.

Thứ bốn là trình bày một cách rõ ràng, thứ tự, có hệ thống những bước đi tới của chúng ta, khi thuyên giải. Gọi ra ánh sáng những gì có mặt trong nội tâm, thậm chí còn ở thể trạng mơ tưởng hay là tin tưởng đã đóng lớp rêu phong từ bao nhiêu đời.

Thứ năm là không bao giờ áp đặt một cách đơn phương, độc tài cho kẻ khác cách thuyên giải của chúng ta, bởi tưởng lầm rằng đó là sự thật, đó là chân lý.

Không tôn trọng 5 qui luật trên đây, giữa chúng ta và người khác không thể có đồng hành, chia sẻ. Trái lại, chúng ta đi từ xung đột này đến xung đột khác, vì não trạng nhị nguyên nghĩa là phân biệt hơn thua, xấu tốt, có lý và phi lý đang trấn áp tâm tư và cõi lòng chúng ta.

Trong tác phẩm Vạn Xuân, Nguyễn Trãi, Thái Phúc và Trương Phụ, cả ba người đều nói đến Nhân và Nghĩa (Yen-Yi). Nhưng mỗi người thuyên giải Nhân Nghĩa một cách khác nhau, theo quan điểm riêng tư của mình⁴³. Mỗi nền văn hóa trình bày một cách thuyên giải riêng biệt độc đáo, làm cho dân tộc này không thể đồng hóa với dân tộc kia. Từ ngày lập quốc cho tới hôm nay, người Việt Nam luôn luôn khẳng định một cách kiên cường về bản sắc của mình, trước mọi hiểm họa đồng hóa của xâm lăng và thực dân, từ phương Bắc, phương Tây hay là Bắc Mỹ. Lẽ lối khẳng định ấy thể hiện ở nhiều bình diện khác nhau:

Tiếng Việt luôn luôn sinh động và phát triển thường xuyên. Có một thời, những giáo sư triết học, người Nước ngoài đã đặt nghi vấn về khả năng của tiếng Việt trong chiều hướng diễn tả các phạm trù triết học của Âu Tây. Từ năm 1960, các Đại học Việt Nam đã thành hình trong nhiều thành phố lớn. Sau mười năm sáng tạo, các Đại học Việt Nam đã sử dụng tiếng Việt trong tất cả mọi địa hạt hoạt động của mình, để tiếp thu, đón nhận và tiêu hóa những chiều kích vĩ đại trong cuộc sống con người.

Cùng với ngôn ngữ, người Việt phát huy theo chiều hướng văn hóa riêng biệt của mình, mọi hình thức sinh hoạt khác như phong tục, kinh tế, cách ăn mặc, thể thức tổ chức làng xóm, đời sống nghệ thuật và triết lý nhân sinh...

Hình thức tuyệt vời hơn tất cả có khả năng diễn tả sắc thái đặc biệt của nền văn hóa Việt Nam là rừng tre xanh bảo vệ xóm làng từ địa phương này lan qua địa phương khác. Đồng lúa Việt Nam là hình tượng thứ hai có mặt từ Bắc vô Nam, từ

các đồng bằng lên tới các vùng cao nguyên, từ miền khô đến những vùng ẩm ướt.

Trong tất cả mọi địa hạt, Đất Nước và Con Người quyện sát vào nhau. Người làm cho đất nước sinh sản lương thực. Đất nước làm cho con người có quê hương và gốc rễ tình cảm, nghĩa là có khả năng nhớ và thương, hàn gắn và bồi dưỡng chính mình.

Văn hóa chính là cách thức làm người và giúp kẻ khác làm người.

Qua con đường văn hóa, người Việt Nam thuyền giải sự có mặt của mình trong trời đất, quan hệ giữa mình và người khác. Cách thức tổ chức núi sông, đất nước.

Một cách đặc biệt, trong cách thuyền giải đất nước của mình, người Việt Nam biết nhìn ra Đại Dương mở rộng lòng đón mọi người. Và biết nhìn lên, chấp nhận, nhìn nhận và đón nhận chiều kích Trời, chiều kích Thần Phật và chiều kích Tâm linh. Tâm linh của người Việt Nam không phải chỉ gồm có bên trong. Nhưng còn là bên trên cao vời sáng chói, chiều ngang bao la, bát ngát và chiều sâu phong phú, giàu mạnh.

Thiếu chiều rộng, văn hóa sẽ dẫn chúng ta vào con đường "bế quan tỏa cảng". Hiểm họa khác cũng trầm trọng là con đường "rước voi đập mồ mã", khi chúng ta bán đứng quê hương để củng cố địa vị cá nhân hay là quyền lực của gia đình, giòng họ, phe nhóm, thậm chí tôn giáo của mình.

Nghĩa vụ quốc tế, tình anh em bốn bể một nhà, chỉ là huyền thoại vu vơ, quảng cáo tuyên truyền, một giáo điều lý thuyết khô cứng ...bao lâu người anh chị em đồng bào của chúng ta chưa được tôn trọng, phục vụ. Chưa có điều kiện thành người. Chưa được cư xử như một thành viên toàn phần, có lời ăn tiếng nói, có quyền lợi làm người trong lòng đất nước.

Cũng trong chiều hướng và ý nghĩa này, tôn giáo chỉ có giá trị, khi tôn giáo có khả năng hộ sinh : giúp con người trở thành người. Giúp người Việt Nam ngày ngày trở nên Việt Nam hơn ngày hôm qua. **Chính vì vậy, khi một tôn giáo không tạo điều kiện cho người Việt Nam ý thức và khẳng định về bản sắc văn hóa của mình, liệu tôn giáo ấy có lý do tồn tại nữa không?**

Theo ngôn ngữ và lối nhìn của Lão Tử, mỗi tôn giáo trong lòng đất nước phải học làm theo cách "vi-vô-vi" của mặt trời! ⁴⁴

- Không có mặt trời cung cấp ánh sáng và năng lượng, sẽ không có sự sống trong trời đất này.

- Tuy nhiên, mặt trời làm cho cây nào thành cây ấy. Cây hồng không nở hoa mai. Lúa mạ không ép buộc sản khoai phải rập khuôn theo lối sinh hoạt của mình.

- Mặt trời tôn trọng vai trò của không khí, đất màu, sương trời và nước tưới.

- Chỗ nào có quá nhiều mặt trời, cỏ cây bị khô cháy. Thiếu mặt trời, cỏ cây cũng không thể đâm chồi nảy lộc.

Trong chiều hướng ấy, bao lâu một tôn giáo chưa đi vào lòng dân tộc, để chia sẻ "niềm ưu tư và hy vọng" của anh chị em đồng bào, tôn giáo ấy còn ở bên ngoài, bên lề xã hội. Còn là ngoại lai, có nguy cơ thực dân, giống như bao nhiêu cường quốc có ý đồ xâm lăng xâm lược.

Ngược lại, khi được hội nhập một cách hài hòa trong lòng dân tộc, tôn giáo sẽ trở thành xương da, máu thịt ... nuôi sống anh chị em đồng bào. Tạo mọi điều kiện trong khả năng của mình, để ai ai cũng có khả năng thành người, làm người; nhất là những người không có những "Cơ May" làm người tối thiểu.

Và khi làm công việc nuôi sống, bồi dưỡng như một lương thực, tôn giáo đảm nhiệm cùng một lúc hai phần vụ:

- Loại trừ những độc chất trong cơ thể của đất nước như hận thù, bạo động, chia rẽ, xung đột, đàn áp...

- Phát huy sự sống thuộc mọi địa hạt làm người, nhất là lòng thương, tình liên đới và quan hệ hài hòa giữa mọi người... Làm như vậy là "gieo vãi", vun tưới, bồi đắp "một tấm lòng".

Qua bao nhiêu nhận định về phần vụ thuyết giải của nội tâm, chúng ta ghi nhận những kết luận hay là những bài học sau đây:

1. Chúng ta không thể không thuyết giải, nghĩa là tìm ra cho mình ý nghĩa về cuộc sống, khả dĩ sáng soi và điều hướng mọi quyết định hành động.
2. Chúng ta có quyền thuyết giải cuộc sống. Nhưng kẻ khác cũng có những quyền lợi giống như chúng ta.
3. Khi hai người tiếp xúc trao đổi, nói chuyện với nhau, dù muốn hay không, ý thức hay vô thức ... mỗi người đều thuyết giải cuộc sống. Lời nói bình thường là cho biết ý kiến, nói ra lập trường...
4. Nếu có người muốn áp đặt ý kiến hay là cách thuyết giải, thế nào cũng có hiện tượng xung đột, tranh chấp.
5. Thay vì xung đột, để rốt cùng có thể kết thúc bằng bạo động, những ai có tư cách làm người sẽ tìm cách lắng nghe, đồng hành, chia sẻ để bổ túc, kiện toàn nhau. Công việc vừa cho vừa nhận ấy mang tên là thương lượng, nhìn nhận nhau, tôn trọng nhau và đóng góp cho nhau trong vấn đề thành người.
6. Khi chúng ta áp đặt ý kiến của mình hay là đàn áp kẻ khác, chúng ta làm cho họ trở nên phản động hay là ấu trĩ, lệ thuộc. Trong một quan hệ như vậy, cả hai bên đều thoái hóa, từ chối làm người với nhau. Mỗi người trở nên hỏa ngục cho người kia, theo lối nói của J.P. Sartre.

Giữa hai dân tộc, cũng có những hiện tượng tương tự :

1. Mỗi dân tộc, mỗi đất nước thuyết giải cuộc sống của mình, qua quá trình dựng nước và giữ nước, từ giai đoạn thành hình cho đến hôm nay.
2. Cách thuyết giải của cả một dân tộc mang tên là nền văn hóa.
3. Một dân tộc trở nên xâm lăng, thực dân, khi họ muốn áp đặt nền văn hóa của mình trên một dân tộc khác. Họ có ý đồ đồng hóa, nhất là khi họ xua quân lấn chiếm và áp đặt nền đô hộ trên một xứ sở khác.
4. Khi làm công việc chiếm đất và giành dân như vậy, luôn luôn họ khua chuông gõ mõ về một nền văn hóa đại đồng, về ngọn cờ nhân nghĩa toàn cầu. Họ hô hào "mang ánh sáng cho dân man rợ".
5. Suốt quá trình lịch sử, dân tộc Đại Việt luôn luôn sẵn sàng hy sinh tất cả để bảo vệ con đường văn hóa độc đáo của mình. Trước lực lượng xâm lược, họ khẳng định bản sắc của mình một cách hào hùng, liên tục, từ thế hệ này qua thế hệ khác.
6. Nếu cần, họ sử dụng khí giới, bom đạn để tự vệ và xua đuổi quân thù ra khỏi biên giới. Làm như vậy, họ khẳng định bản sắc của mình. Đó là cách làm người.
7. Với kế hoạch Tâm Công, Nguyễn Trãi là người đầu tiên đã muốn loại trừ khỏi nền văn hóa của Đại Việt mọi độc tố bạo động, bằng ba cách khác nhau :
 - **Thứ nhất là kết hợp lòng người** và mọi người. Cứu nước và cứu dân là một, thay vì đặt nặng vấn đề dòng họ, triều đại của một cá nhân, hay là phe phái, ý thức hệ.
 - **Thứ hai là vừa đàm vừa đánh** : Ngôn ngữ trao đổi cũng quan trọng bằng vũ khí. Tâm Công - là đánh vào lòng người - còn có giá trị hơn "Thành công", nghĩa là bao vây thành lũy của địch quân và tận diệt mọi lực lượng đối kháng.
 - **Thứ ba là tức khắc biết dừng lại**, tôn trọng sinh mạng của quân binh phía ta cũng như phía địch, khi bạo động không còn cần thiết để khẳng định bản sắc riêng biệt của mình. Nói khác đi, chúng ta sử dụng khí giới để bảo vệ từng tất

đất, từng người dân. Nhưng chúng ta không làm nạn nhân của hận thù, bạo động và chiến tranh.

Đây là điểm vàng son của sách lược Tâm Công: **Nguyễn Trãi vận dụng Tấm lòng để hóa giải mọi vấn đề trong lòng quê hương và đất nước.**

Tấm lòng là nước có khả năng nâng đỡ thuyền. Đồng thời nước cũng lật đổ thuyền, nếu thuyền không có một tấm lòng đối với nước.

Nếu ai ai cũng có một tấm lòng như vậy, kết quả là hòa hợp, là đồng tâm, là Huyền đồng theo lối nhìn của Lão Tử. Đồng ở đây không có nghĩa là đồng nhất, đồng ý, nhất trí về mặt thuyền giải. Nhưng là hòa đồng, chấp nhận người khác cũng là người, có một tấm lòng như mình. Chúng ta đồng hành, chia sẻ. Chúng ta hiến tặng một tấm lòng.

Phần vụ thứ ba của nội tâm là diễn tả thực trạng và thực tại của mình bằng xúc động và tình cảm.

Nói được đây là một loại hàn thử biểu cho chúng ta biết khí hậu, độ nóng lạnh của tâm hồn. Đối với một số người, xúc động là một lời nhắn bảo rất thân thương, cơ hồ một tiếng nói của bạn bè tri kỷ cho chúng ta hay biết về hoàn cảnh hiện tại của mình.

Tâm lý học đương đại phân biệt bốn thành tố hay là bốn giai đoạn trong mỗi xúc động như buồn, khổ, lo, giận, chán nản, tuyệt vọng, sợ hãi ...

Thành tố thứ nhất : "Tôi thấy, tôi nghe". Đây là những sự kiện khách quan đưa vào hay là dẫn khởi, tạo cơ hội hay là điều kiện... để một xúc động xuất phát, hiện hình.

Thành tố thứ hai : "Tôi cảm".

Đây là một phản ứng hoàn toàn chủ quan. Để diễn tả cách đúng đắn một xúc động, chúng ta phải sử dụng chủ từ, ngôi thứ nhất, số ít " Tôi".

Dùng một chủ từ khác, ngoài "Tôi" ra, chúng ta sẽ có thái độ tránh né, xuyên tạc, hay là đánh trống lảng. Một cách xuyên tạc rất thường xảy ra là tố cáo kẻ khác, qui chụp, gán nhãn hiệu ...

Ví dụ, thay vì nói "tôi buồn", chúng ta có thể xuyên tạc : "Nó không hiểu tôi".

Thành tố thứ ba : " Tôi cần".

Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp của xúc động là nhu cầu hiện tại của tác giả hay là chủ thể hiện đang có những phản ứng. Cho nên bao lâu chúng ta không sáng suốt đảm nhiệm tính chủ động và chủ quan của mình, chúng ta không tìm phương thức hóa giải, chuyển biến, bằng cách đặt tên hay gọi tên nhu cầu của mình.

Thành tố thứ bốn : "Tôi xin, tôi muốn, tôi yêu cầu..." Sau khi điểm mặt, đặt tên, gọi ra ánh sáng nhu cầu cơ bản của mình, chúng ta vận dụng mọi khả năng đáp ứng có sẵn nơi mình. Nếu không có, tôi dựa vào quan hệ nối kết tôi và kẻ khác, để xin họ giúp tôi giải quyết vấn đề một cách thỏa đáng.

Bao lâu chúng ta chưa đi hết 4 giai đoạn trên đây, tình cảm hay xúc động của chúng ta đang còn bị bế tắc, ngăn chặn, ức chế. Cho nên chưa hóa giải được một cách hài hòa.

Trong mọi quan hệ giao tiếp với các tướng lãnh quân Minh, Nguyễn Trãi đã vận dụng tối đa phương pháp diễn tả những xúc động của mình. Qua mọi thư từ, Ông nói lên nỗi bất bình của toàn dân Đại Việt. Ông đi qua 4 giai đoạn. Và luôn luôn Ông kết thúc bức thư, bằng cách đề nghị một quan hệ hài hòa giữa Đại Việt và Trung Hoa, giữa binh lính của Minh Triều và Nghĩa Quân Lam Sơn, dưới quyền lãnh đạo của Lê Lợi⁴⁵.

Tâm Công ấy là một sách lược nghĩa là một quyết định và chọn lựa sáng suốt, từ lúc khởi đầu đến hồi kết thúc. Đó là một sách lược có chiều sâu tâm linh và chiều rộng của hành động. Không bao giờ Tâm Công là một mưu mô lường gạt : Nói một đàng làm một nẻo, miễn là mình "hơn"!

Vào giây phút cuối cùng, khi Vương Thông viết thư xin nghị hòa, chính Nguyễn Trãi đã tỏ ra trung tín. Một mình giữa đoàn lũ, có cả dân chúng, binh sĩ, tướng lãnh đầy căm thù, đòi nợ máu, Nguyễn Trãi khẳng định tấm lòng bao la và vĩ đại của dân tộc Đại Việt:

"Lấy đại nghĩa thắng hung tàn,

Lấy chí nhân thay cường bạo".

(Lược đồ tr. 97)

Phần vụ thứ bốn của nội tâm là thiết lập quan hệ.

Bao lâu giữa chúng ta và người khác, bất kể là ai, thậm chí những người đang cưu mang ý đồ đàn áp, bóc lột, sát hại chúng ta như quân Minh, chúng ta vẫn chủ động chọn lựa quan hệ chia sẻ và đồng hành.

Tâm Công là một quan hệ khí khái, can trường. Can đảm làm người, khi kẻ khác chưa có tư cách làm người. Đơn phương làm người. Đơn phương nhìn nhận bản sắc làm người của người khác.

Tâm Công trong lăng kính ấy còn mang tên là vô úy, không sợ chết, vì khẳng định bản sắc của mình là tâm linh, bất diệt. Súng ống, bom đạn, gươm giáo có thể đụng đến thân. Nhưng hoàn toàn bất lực, vô hiệu trước Tâm. Trước một tấm lòng yêu thương. Và như tôi đã nhấn mạnh ở đầu chương, tấm lòng ấy có một lối nhìn của con mắt thứ ba. Lối nhìn Cao thượng và vĩ đại của Trời, của Đại dương. Của Rộng và Tiên, Cha mẹ của dân tộc và đất nước Đại Việt.

Trong tất cả những điều được trình bày, vấn đề nhìn nhận nhau, khi tiếp xúc và trao đổi là điều đáng chúng ta lưu tâm và áp dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Khi biết nhìn nhận nhau, chúng ta sẽ hóa giải được rất nhiều vấn đề đang bủa vây và làm suy đồi bao nhiêu quan hệ giữa người với người. Một cách đặc biệt nhờ nhìn nhận nhau, chúng ta sẽ có khả năng chuyển biến những quan hệ xung đột, hận thù và bạo động đang có mặt ở khắp nơi, trong mọi hang cùng ngõ hẻm của nhân loại.

Nhìn nhận nhau cũng là phương thức để làm người và sống tình người với nhau.

Để nhìn nhận kẻ khác, chúng ta hãy bắt đầu nhìn nhận chính mình bằng cách diễn tả một cách rõ ràng nhu cầu và yêu cầu của chúng ta, đang ẩn giấu ở dưới mỗi xúc động. Lề lối diễn tả được thu gọn như sau :

- Tôi đang cảm thấy ... (gọi tên xúc động như buồn, lo, sợ ...)

- Tôi cần ...

- Vậy tôi muốn ... tôi xin

Khi nhìn nhận kẻ khác, chúng ta cũng cần khám phá và gọi tên xúc động của họ. Đồng thời, chúng ta cũng bộc lộ hay là giúp họ bộc lộ nhu cầu và lời yêu cầu có liên hệ với xúc động.

- Qua lời bạn nói, bạn đang (buồn)

- Bạn đang cần (có người hiểu bạn)

- Vậy bây giờ bạn ước muốn gì? Tôi có thể làm gì cho bạn ?

Thay vì diễn tả một cách rõ ràng xúc động của mình, nhiều người có xu thế sử dụng hình thức trá ngụy, xuyên tạc, tấn công, đổ lỗi, tố cáo ... Trong hoàn cảnh này, chúng ta hãy bắt đầu nhìn nhận họ, bằng cách gọi tên xúc động và lột tẩy nhu cầu cũng như ước vọng đang ẩn núp ở bên dưới.

- Bạn đang phê bình và tố cáo thái độ của tôi trong buổi họp vừa rồi.

- Như vậy là bạn đang tức giận vì tôi không đồng ý với bạn

- Chúng ta có thể bình tĩnh trình bày lại ý kiến, để hiểu nhau hơn!

Sở dĩ chúng ta tôi luyện những kỹ thuật diễn tả như vậy, là vì chúng ta muốn trang trải cho nhau một tấm lòng. Duy tấm lòng mới quý giá và thiết yếu. Cho nên chúng ta hãy lắng nghe Nguyễn Trãi: Kết hợp nhau lại, cùng nhau đứng trên một mảnh đất, một địa bàn chung. Đó là tấm lòng bất diệt và cao cả đang hội tụ mọi người.

Ở đâu có một tấm lòng, ở đó khí giới, bạo động, hận thù nhường bước, nhường lời cho tình thương.

*

* *

Chương bốn

Con rắn trả thù ba đời

Chỉ có một tấm lòng trọng đại mới có khả năng vượt lên trên mọi xung đột, hận thù, bạo động và chiến tranh. Phải chăng đó là ý nghĩa sâu xa của sách lược Tâm Công có mặt trong tất cả mọi công trình và cuộc sống của Nguyễn Trãi?

Phải chăng chỉ có một tấm lòng mênh mông cao cả như bầu trời và đại dương mới làm cho đất nước và quê hương trở thành Vạn Xuân, nghĩa là trường tồn, bất diệt, mang trong mình hạt mầm yêu thương và tha thứ ? Hẳn thực, từ ngày lập quốc và trải qua bao giai đoạn, bập bênh, chìm nổi ... đất nước phải thường xuyên đối đầu với hai hiểm họa trầm trọng. Hiểm họa thứ nhất là nạn xâm lăng và thực dân tràn đến từ mọi chân trời xa gần thuộc phương Bắc cũng như phương Tây. Trong lịch sử của Đất nước, từ trước cho tới nay, người dân Đại Việt đã tỏ ra bất khuất, không bao giờ chịu đồng hóa trước những lực lượng rất hùng hậu, nham hiểm và được vũ trang một cách tối tân về mọi mặt.

Với sách lược Tâm Công của Nguyễn Trãi, dân tộc Đại Việt đã bước thêm một bước khổng lồ: dùng nhu để bề gãy cương, lấy tình người để thắng cường bạo. **Nhân đạo thay thế hận thù. Thay vì luôn cúi, đứng thẳng mình, khẳng định bản sắc làm người với tất cả tấm lòng ân thứ và bao dung.**

Thế nhưng, với hiểm họa từ bên trong mang tên là chia rẽ hay là "nội da xáo thịt", lịch sử đã ghi lại những vết thương nhức nhối rướm máu. Từ đời này qua đời nọ, vết thương ấy lại tiếp tục lở loét và tái diễn theo chu kỳ của vô minh và dục vọng. Phải

chẳng đó là nghiệp quả luân hồi thúc giục người Việt Nam tôi luyện lòng thứ tha? Hạt mầm giải thoát nảy nở và lớn lên trong lòng đất khổ đau.

Kế hoạch Tâm Công đã mang lại nhiều thành quả to lớn trong lãnh vực chống xâm lăng. Nhưng Nguyễn Trãi đã tỏ ra bất lực hoàn toàn, trong địa hạt kiến dựng hòa bình và phát huy công lý. Rốt cuộc, vào tuổi 63 sau một đời cống hiến trọn vẹn cho nước cho dân, Nguyễn Trãi đã ngã quỵ trong vũng máu, bên cạnh người vợ thiếp của mình là Thị Lộ, với một án lệnh tận cùng ác độc là bị tận diệt ba đời "tru di tam tộc". Cả hai vợ chồng bị kết tội "sát hại nhà vua" tại vườn Lệ Chi.

Làm sao một "Thiền sư" có thể bị vướng vào một vụ án "đồng tình đồng lõa ám sát" một vị vua mà chính ông đã dạy dỗ ! Tôi muốn hỏi Võ Văn Ái như vậy.

Làm sao một "người tài đức trọn vẹn" lại làm nạn nhân cho những ghen tương nhỏ nhen, bần tiện ở triều đình! Tôi hỏi Trần Huy Liệu như vậy.

Làm sao "ánh sao Khuê" lại thiếu hơi ấm cho gia đình vợ con của mình ? Tôi muốn hỏi Bùi Văn Nguyên như vậy.

Làm sao một người lãnh đạo, một vị quan luôn luôn "lo cái lo của toàn dân", lại quyết định chết một cách thảm thương, tủi nhục, để chứng minh tấm lòng với người vợ thiếp ... đương khi việc nước đang còn rối ren như tơ vò ? Đương khi các đồ đệ, giới trẻ chưa tiêu hóa trọn vẹn bài học về Tâm Công, và tập hợp mọi cõi lòng ? Tôi muốn đặt lên câu hỏi ấy cho những ai đang lãnh đạo đất nước, ở mọi lãnh vực và giai tầng khác nhau .

Khi nhìn lại thảm trạng của Nguyễn Trãi, nhiều người muốn thêm dầu vào lửa, như vua Tự Đức, với những lời lẽ tố cáo. Chê thì quá dễ. Ai lại không có điều để chê. Thương mới là chân trời mời gọi mỗi người vươn lên!

"Trãi, nếu là người hiền, thì nên sớm liệu rút lui (...). Thế mà lại đi đón rước nự giá, thả lỏng cho vợ làm việc hoang dâm, vô liêm sỉ" ⁴⁶.

Nhiều người khác muốn "coi như không có" hay là "biến đen thành trắng", tẩy xóa hết mọi tiếng đồn xuôi ngược chung quanh Thị Lộ.

Có người ngoảnh mặt làm ngơ, cố tình xem vụ "Thị Lộ" như một chi tiết nhỏ nhặt, không làm khô héo một cây đại thụ. Cho nên Phạm Công Thiện đã lên tiếng đề kháng :

"Nếu không có Thị Lộ thì Nguyễn Trãi có ra là Nguyễn Trãi nữa không ? " ⁴⁷.

Khác với những người đàn anh còn mang xu thế khen hoặc chê, nghĩa là muốn "thu hồi" Nguyễn Trãi về phe mình hay là xô đẩy Nguyễn Trãi về phía bên kia, tôi chỉ muốn làm nổi bật một vài điểm có liên hệ đến cuộc đời:

1. Tâm Công thuộc tiến trình làm người. Khi dừng lại, cho là đủ, dù là ai, người ấy bắt đầu thoái hóa. Hơn tất cả, quyền lực, chức vị làm cho chúng ta dễ thoái trào, một cách nhanh chóng.
2. Nguyễn Trãi là một con người Việt Nam như anh, như em, như tôi. Chúng ta mang dòng máu vạn xuân. Tuy thế, chúng ta còn ở trên một tiến trình. Còn sống ngày nào, chúng ta còn phải học: loại trừ độc tố và hội nhập sức sống vươn lên. Với bao nhiêu hạn chế và tồn tại, nếu chúng ta biết dâng hiến một tấm lòng giống Nguyễn Trãi, chúng ta đã cống hiến một đóng góp rất lớn lao cho đất nước và anh chị em đồng bào. Nếu đòi hỏi nhiều hơn, chúng ta chỉ nuôi dưỡng "ý chí toàn năng".
3. Theo lối tin tưởng bình dân được lưu truyền đó đây, khắp đất nước, Thị Lộ có dính líu với chuyện một con rắn trả thù ba đời.

Với lối truyền giải của Phân tâm học, mọi điều sẽ trở nên trong sáng và đơn sơ : Phải chăng Thị Lộ là hình tượng, trong đó chúng ta sẽ thấy được chính mình. Nhìn vào Thị Lộ, người Việt Nam sẽ biết rõ : con đường nào "đầy hoa", và con đường nào "đầy ma quái, cạm bẫy".

Trên đây, nhân dịp bàn đến nghệ thuật và kỹ thuật tạo hình hay là cách kết cấu tiểu thuyết của nữ văn sĩ Y Feray, tôi đã nêu rõ : Tiểu thuyết Vạn Xuân kết hợp một cách hài hòa khéo léo những sự kiện lịch sử được sưu tầm rất công phu và khoa học. Đồng thời Vạn Xuân cũng có khả năng thuyết giải những khoảng trống, những dấu hỏi trong cuộc đời của Nguyễn Trãi. Y Feray vận dụng kinh nghiệm làm người, làm phụ nữ, làm mẹ, làm người tình, làm một đồ đệ, làm nhà trinh thám, làm bác sĩ chuyên môn theo đường hướng phân tâm học của Freud ... Hơn tất cả, Y Feray đi vào lòng văn hóa của đất nước Đại Việt với một tấm lòng, để vừa khám phá những độc tố đang làm tê liệt hay là bẽ gãy những mầm sống vươn lên. Đồng thời, người phụ nữ này cũng biết trân trọng những hạt ngọc quý giá cao thượng có khả năng tô điểm, làm mới, đánh sáng đất nước Đại Việt. Hơn thế nữa, với tuyệt tác Vạn Xuân, Nguyễn Trãi được nhìn nhận là một gia bảo của toàn thể Nhân loại.

Nhờ tuyệt tác Vạn Xuân, nhân loại từ từ nhận ra Nguyễn Trãi cũng là một tuyệt tác. Tuyệt tác không có nghĩa là toàn vẹn, hoàn hảo. Nguyễn Trãi là một sứ điệp, một giá trị trên bình diện làm người, tôn trọng sự sống và gieo vãi tình thương. Cho nên Nguyễn Trãi cần được lắng nghe.

Chính lúc Nguyễn Trãi ngã quỵ trên vũng máu, lan tràn, lai láng khắp Đại Việt, hình ảnh Nguyễn Trãi lại sáng rực lên như Ánh sao Khuê : gọi mời hận thù "dừng lại":

"Nhiều điều phủ lấy giá gương !"

Máu Nguyễn Trãi làm cho chính mình chúng ta trở thành tuyệt tác, nếu chính chúng ta ngăn chặn được những lưỡi gươm hận thù, bạo động đang còn xấn vắn trong cõi lòng thâm sâu của từng người dân Việt. Của chính chúng ta!

Trở thành tuyệt tác trong tinh thần và ý nghĩa của Tâm Công do Nguyễn Trãi đề xướng, là trở thành người. Điều này không phát sinh một cách bộc phát tự nhiên. Đó là một bài học cần được thu hóa. Nguyễn Trãi đã học, suốt cuộc đời. Đến lượt chúng ta, chúng ta tiếp tục học, cho đến ngày nào chúng ta trở thành một tấm lòng thấm nhuần và nhuần nhuyễn tình thương, tình người theo như lối nhìn của Nguyễn Trãi.

Để quảng diễn ý hướng cơ bản này

- trong phần một, tôi nêu lên những "trắc trở" sau ngày Lê Lợi lên ngôi Hoàng Đế, đúng như tầm nhìn viễn thấu của nhân vật Vô Kỵ.
- trong phần hai, tôi nhấn mạnh rằng : Trong vụ án vườn Lê Chi, Nguyễn Trãi đã chết **"Cho"** Thị Lộ và trối lại cho các thế hệ tương lai một tấm lòng vạn xuân. Một Sứ Điệp **làm người**.

Nói khác đi, trong giai đoạn kháng chiến chống xâm lăng, vô số người dân Đại Việt đã can trường chịu đổ máu, trên mỗi nẻo đường của quê hương. Chính Nguyễn Trãi, cũng ít nhất ba lần suýt chết dưới lưỡi gươm "cứu nước" của Lê Lợi. Nhờ máu của dân lành đổ ra, trong đó có máu của Tiểu Mai và Hương Thâm ... hòa bình đã trở lại. Đại Việt đã sạch bóng quân thù thực dân và xâm lược.

Trong giai đoạn xây dựng, để chuyển biến đất nước thành bất diệt - Vạn xuân và cao cả - Đại Việt, phải chăng chúng ta cũng còn cần đổ máu, tàn sát anh chị em đồng bào, do con rắn muốn báo thù ba đời, đòi lại "nợ máu" ? Nếu thực sự hiện hữu, con rắn ấy đang ở trong quả tim của mỗi người Đại Việt.

Vì hiểu lầm lời thuyết giải của Thiền sư người Ấn Độ mang danh hiệu là Atangana, Ông Ngoại của Nguyễn Trãi đã xây một ngôi đền bằng gỗ đá, để cúng hương khói cho Thần Rắn. Chưa đầy 60 năm, ngôi đền ấy đã mục nát, sụp đổ tan tành.

Cái chết của Nguyễn Trãi mang đến cho chúng ta một chiều hướng thuyết giải hoàn toàn mới lạ : để đất nước có thể trở thành Vạn Xuân và Đại Việt, chúng ta - con cháu của Lạc Long Quân và Bà Âu Cơ - đang cần một ngôi đền Tâm linh, một tấm lòng vạn xuân và đại việt. Hai chất liệu hoặc vật tư làm nên ngôi đền ấy là Tình Thương và lòng tha thứ. Kế hoạch Tâm Công lúc bấy giờ mới có cơ may hoàn thành viên mãn.

Nói một cách hình tượng, máu của con linh vật kỳ lân - Nguyễn Trãi có khả năng làm cho dân tộc Việt Nam trở nên trường sinh bất tử, nếu máu ấy được đón nhận với cả một tấm lòng "Vô Kỳ".

1.- Nhân Vật Vô Kỳ trong tác phẩm Vạn Xuân

Theo thiên ý của tôi, nghệ thuật sáng tạo của tác giả Vạn Xuân đạt cao điểm với nhân vật có tên gọi là Vô Kỳ.

Với hình thù và tác phong quê mùa - một cách vô tình hay hữu ý, không ai biết được - nhân vật này dễ gây ác cảm cho những người vừa tiếp xúc. Ông có tập quán khắc nhổ lung tung ⁴⁸. Ông thèm và uống rượu như một con trâu cày khát nước, giữa trưa hè đứng ngọ. Ông đến đột xuất không biết từ đâu. Ông lại lặng lẽ biến mất khi nào không ai hay ⁴⁹. Suốt thời gian 63 tuổi của Nguyễn Trãi, Vô Kỳ hiện hình nhiều lần, khi có một khúc quanh rất quan trọng trong đời Ông, đòi hỏi ở Ông một quyết định sống mái, vào thời kỳ trước cũng như sau khi gặp Lê Lợi.

Qua một vài ngày tiếp xúc, làm quen, chúng ta tự nhiên và từ từ khám phá nơi con người ngỗ nghịch này rất nhiều khả năng đạt mức độ "tài tình tự nhiên" không gượng ép hoặc dò dẫm kiểu rủi may ⁵⁰:

- "Chỉ chỗ Bác Phan cách làm vườn",

- "Đứng cạnh bếp lò kể câu chuyện cảm động về con voi của Trần Hưng Đạo",

- "Leo lên mái nhà để sửa lại các tấm ngói",

- "Dạy bà Hoàng cách sắp xếp các cụm hoa, một vài công thức để chăm lo chậu cảnh ..".

Và cái lạ lùng nhất là "mặc dù ông đạo sĩ là người mang đến những tin buồn, hoàng thân Trần Nguyên Hân vẫn giữ được một kỷ niệm đầy hứng thú, vì lão là biểu tượng cho một thời kỳ yên ổn " ⁵¹.

Còn đối với bà hoàng, "cái bề ngoài của một đạo sĩ chỉ là một trong vô số bộ mặt mà các thần linh khoác vào. Mà thần linh thì ở khắp nơi, thấy mọi sự, nghe mọi sự, đùa giỡn với những người sống vẫn cả tin như hai ông bà mà thôi" ⁵².

Một đặc điểm khác của Vô Kỳ là ông thường trích dẫn vô số câu nói của Lão Tử, trong cuốn Đạo Đức Kinh. Chính cái tên Vô Kỳ của ông cũng nói lên cho chúng ta biết về bản sắc đích thực của con người ông. Qua những lần tiếp xúc với Nguyễn Trãi, nhất là khi ông này đang ở vào một giai đoạn chuyển tiếp, Vô Kỳ cứ nhắc lui nhắc tới những sứ điệp của Lão Tử:

Thứ nhất là "Tri Chỉ", biết dừng lại khi cần ⁵³. Nhất cử nhất động, ai áp ủ "Con đường" trong nội tâm, người ấy biết tự chủ, tự quyết. Thay vì phản ứng, lệ thuộc vào những sức ép, những động cơ vô hình, vô tướng đang trấn áp, lèo lái, điều khiển từ bóng tối, còn được gọi là Vô minh trong Phật giáo, hay là vô thức theo thuật ngữ của Phân tâm học.

Thứ hai, khi làm hãy làm theo cách "Vi-Vô-Vi " ⁵⁴.

Theo lời truyền giải của Thu Giang Nguyễn Duy Cần, " Vi-Vô-Vi " của Lão Tử bao gồm ít nhất là ba ý nghĩa giao thoa chằng chịt và bổ túc lẫn nhau :

1. Làm nhưng không xen vào việc kẻ khác, không dùng tư tâm, tư lợi mà can thiệp vào việc của người ngoài.
2. Làm mà như không làm gì cả, làm một cách hết sức tự nhiên và kín đáo. Không cố cưỡng. Không dụng tâm. Làm mà như không có làm gì cả, như

mặt Trời sáng soi muôn vật. Giúp muôn hoa cùng nhau đua nở. Nhưng mỗi loài hoa không hay biết mình nhờ ánh sáng mặt Trời mà lớn lên, nở hoa từ mùa này sang mùa khác.

3. Làm mà không bận vương, lệ thuộc vào cái làm của mình. Ngược lại, là cách làm cuồng tín, chấp nhất, chấp thủ bằng cách cho cái làm của mình là tốt nhất, đúng nhất, hữu hiệu nhất. Và luôn luôn có giá trị cho mọi người, ở mọi nơi!

V. Frankl gọi cái làm nhị nguyên này là "siêu ý chí, siêu ý định". Siêu ở đây có nghĩa là quá khích, quá độ, loại trừ mọi phương thức và ý kiến khác. Do đó, hậu quả có khi phản ngược lại với ý định ban đầu. Chẳng hạn, để chuẩn bị cho một công việc quan trọng ngày mai, tôi muốn ngủ thật ngon đêm nay. Và càng muốn ngủ, tôi càng trằn trọc, mất ngủ.

Theo Phân tâm học, cái làm vừa có tình vừa có lý đáp ứng ba tiêu chuẩn cùng một lúc ⁵⁵:

Thứ nhất là yêu thích.

Từ Hy Lạp là **Eros**. Yêu thích phải là nhân tố thúc đẩy cái làm. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể làm vì Bất Buộc và Sợ. Nhưng hai yếu tố này không phát huy tâm trạng hạnh phúc và sung mãn của con người muôn sáng tạo mình và vũ trụ, bằng chính lao động của bàn tay và khối óc.

Thứ hai là từ bỏ Thanatos.

Khi làm cái này chúng ta sáng suốt quyết định từ bỏ những cái khác. Con người không toàn năng. Khi chọn lựa, chúng ta phải sắp xếp những ưu tiên và từng bước một đi lên, bắt đầu từ ưu tiên số một. Làm khác đi, chúng ta chỉ chấp chờn như loài bướm bay lượn, bỏ cuộc nửa chừng, hay là hẹn rày, hẹn mai ...

Thứ ba là tất yếu Ananké.

Cây thọ nở hoa thọ. Đó là cái làm tất yếu nhằm phát huy bản sắc có sẵn ở thể hạt mầm trong chính con người và cuộc đời của mình. **Nếu người Việt Nam không chấp nhận bản sắc Rồng Tiên của mình, như một tất yếu họ sát hại lẫn nhau như muông thú theo định luật "mạnh được yếu thua". Họ thoái hóa, phản bội chính mình. Họ khước từ dòng máu bao dung và thứ tha đang lưu nhuận trong quả tim của mình, từ nguyên thủy.**

Giữa Đạo học của Lão Tử và Phân tâm học của Freud, mấy nghìn năm tạo nên khoảng cách. Nhưng quan hệ huyền đồng - nghĩa là hòa hợp, kiện toàn bổ túc lẫn nhau - đang là nhịp cầu nối kết Đông và Tây, xưa và nay, tạo điều kiện cho con người vừa khác nhau nhưng vừa gặp nhau. Từ chối cái khác ấy, nhân loại sẽ nghèo nàn. Phủ nhận tính và tình người đang nối kết mọi người, chúng ta tự khắc biến con người thành một đoàn chó sói nuốt sống nhau. *Mors tua vita mea, mà phải chết để cho tao sống.* Trong các cung đình của vua chúa, vì miếng cơm manh áo, nhiều vị quan phải bị thiên hoạn. Từ đó do tự ti mặc cảm, họ phải cương phòng cái tôi bé nhỏ hẹp hòi của mình, để đàn áp, bôi nhọ, hạ bệ người này ... và nịnh hót, khen ngợi, ca tụng phe kia ... Sờ dĩ như vậy, vì họ bị thiên hoạn cái tất yếu của mình. **Họ không còn là con người "toàn vẹn", thậm chí trên bình diện tâm linh, làm người ...**

Dựa vào những tiêu chuẩn hành động, do Vô Kỹ rút tia từ Đạo học, Nguyễn Trãi đã thành tựu mục tiêu của mình : Giúp Lê Lợi tổ chức kháng chiến nhằm khẳng quyết bản sắc văn hóa của Đại Việt và lập lại nền hòa bình trên toàn lãnh thổ của đất nước.

Đỉnh cao của giai đoạn này, là toàn dân Đại Việt đã biết "**Tri Chí**", dừng lại, chọn lựa một cách sáng suốt con đường bất bạo động và hòa bình.

Phải chăng sau mười năm nằm gai, nếm mật trong chiến khu Chí Linh, Lê Lợi đã hoàn toàn thu hóa và hội nhập kế hoạch Tâm Công, nhờ ngày ngày tiếp xúc và chung sống với Nguyễn Trãi?

Hơn ai hết, Trần Nguyên Hãn, Thống tướng phục vụ Lê Lợi và cũng là người anh em bà con của Nguyễn Trãi, đã rút ra những kết luận đánh giá như sau ⁵⁶:

1.- Không có "Chiến lược Bình ngô" của Nguyễn Trãi, Lê Lợi có thể chỉ là thủ lĩnh của một băng nhóm nổi loạn vô danh mà thôi.

2.- Sở dĩ Lê Lợi đã thành công trong việc tiến hành công cuộc kháng chiến chống quân Minh, là vì nhờ Nguyễn Trãi đã làm cho ông hiểu rằng : sức mạnh thần kỳ nằm ở nơi nhân dân. Hàng trăm ngàn nam nhân, phụ nữ đã trở thành đòn bẩy kỳ diệu làm lệch cán cân lực lượng. Họ là những chiến sĩ không mang đồng phục. Cuộc chiến thuộc về họ. Họ dốc toàn lực để chiến đấu, vì sự sống còn của họ.

Hơn ai hết, Nguyễn Trãi đã thấu hiểu nhân dân.

3.- Vì sứ mệnh phục vụ nhân dân, Nguyễn Trãi đã nhiều lần dám liều mạng mình, không sợ chết, khi phải cản ngăn, chống đối Lê Lợi.

4.- Nguyễn Trãi đã đem cả tấm lòng của mình để thuyết phục các tướng lĩnh của quân Minh về sự vô ích của một cuộc chiến không tôn trọng tính người và tình người. Dù có "man rợ" vì thói ăn trầu, để răng đen, người Đại Việt trẻ già, nam nữ đều là "con người toàn diện, toàn phần", có quyền làm người, nhất là trên quê hương, xứ sở của mình, với tập tục của mình.

5.- Mối liên kết giữa Nguyễn Trãi và Lê Lợi có một phần nào miễn cưỡng, do sự thúc bách của tình thế kháng chiến. Tuy nhiên, sau khi hòa bình được văn hồi, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, quan hệ giữa hai người sẽ ra thế nào?

Đứng trên bình diện đánh giá, tôi không so sánh người này với người kia. Trước đây và sau này, Lê Lợi vẫn là Lê Lợi. Chúng ta không thể đòi hỏi Lê Lợi thay đổi bản sắc của mình. Lão Tử đã nói : Cây hoa hồng không thể nở hoa mai hay là hoa bìm bìm ...

Tôi đứng trên địa bàn khoa học, khi đánh giá, bằng cách so sánh Nguyễn Trãi trước và sau điểm mốc là năm 1428, năm hòa bình trở lại. Năm Lê Lợi trở thành hoàng đế Lê Thái Tổ.

Câu hỏi 1 : Nguyễn Trãi có biết "Tri Chỉ", dừng lại hay không?

Dừng lại, theo Lão Tử, không có nghĩa là chấm dứt, hay là " nửa chừng thoát gậy cành thiên hương " ! Nhưng là nhìn lại mình. Nếu cần ra đi thì ra đi. Nếu ở lại, thay đổi mình vì điều kiện đã thay đổi. Đó là Thanatos.

Câu hỏi 2 : Nguyễn Trãi vẫn còn kiên định trong chiều hướng "Vi Vô Vi", nửa hay không? Nói cách khác, rõ ràng hơn, Nguyễn Trãi có sẵn sàng nói những điều phải nói, và không sợ lưỡi gươm chém cổ mình. Nguyễn Trãi có đi con đường "tất yếu" Ananké không? Thấy mình bất diệt, bất tử, cho dù phải mất mạng, mất đặc ân, đặc huệ, mất nồi cơm hằng ngày! Vô trước hoàn toàn, không lệ thuộc, không bám víu ! Sáng suốt, hiện ngang ra đi, khi thấy mình bị " vắt chanh bỏ vỏ".

Câu hỏi 3 : *Cái gì là "first things first" trong giai đoạn mới này? Điều nào cần được đưa lên hàng đầu?*

Trước đây, ưu tiên một là việc nước. Vợ con, gia đình, nhà cửa đã bị bỏ bê, vì con đường tất yếu lúc ấy là "cứu nước". Và ai ai cũng đã sẵn sàng "từ bỏ" như vậy. Nhưng bây giờ con ai dạy, vợ ai thương, bàn thờ tổ tiên có ai hương đèn hôm sớm? Eros, tình thương chần gỏi, vợ chồng ... có tiếng nói và vị trí trong cuộc đời hay là bị thiên hoạn?

Tại tháp Bồ Đề ở Đông Quan, Nguyễn Trãi là "Ánh sao Khuê" đạt đỉnh cao sáng chói của mình, sau khi khẳng quyết con đường bất bạo động cho đất nước và nhân dân Đại Việt. Chính lúc ấy, Vô Kỹ lại xuất hiện, đặt 3 câu hỏi trên đây cho Nguyễn Trãi, dưới hình thức một công án Thiền học ⁵⁷:

" Nay con ta, con đã đi xa đủ rồi, hãy trở về lại thôi. Đừng buồn vì số phận của

một người bạn phải ra đi. Con người chỉ là khách lữ hành, người này nói tiếp người kia (...)

" Ta đến vào đầu năm Mậu Thân này để mang sứ điệp của đạo sĩ Atangana (một sứ điệp đã cách đây hơn cả 10 năm) :

" Giờ đây, con có toàn quyền tùy ý rời bỏ bể hoạn gian nguy đầy bão táp và theo lời khuyên của vị ẩn sĩ".

Để chuẩn bị ngày gặp Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mất 10 năm, đã soạn thảo " Bình Ngô Sách ", đã mất nhiều thời giờ quan sát hành vi, cử điệu, cách ăn nói của vị minh chủ.

Giờ đây, để chuẩn bị một giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng đất nước, Nguyễn Trãi đã không trải qua 10 năm. Đã không soạn thảo một kế hoạch vững chắc với nhiều mồ hôi và nước mắt của lao động.

Chỉ trong khoảng mấy giây đồng hồ, Nguyễn Trãi đã quyết định :

- " *Con rút lui khi nhiệm vụ tái thiết Đại Việt vẫn còn sờ sờ ra đó à? (...)*

Treo áo từ quan vào tuổi 47? (...)

Con không thể nào chịu nổi sự từ bỏ công việc mà con đã chờ đợi từ bao năm trời nay".

Lời từ chối xuất phát từ lý hay tình? Từ Vô minh?

Trong cuộc diện kiến giữa Nguyễn Trãi và Vô Kỹ lần này, có rất nhiều yếu tố đang có mặt một cách rất tế vi và đáng chúng ta lưu tâm.

- Vô Kỹ dùng tiếng " Con " để gọi lại cho Nguyễn Trãi, Ông đang đại diện tiếng nói của cha mẹ, Ông bà Ngoại Trần Nguyên Đán, những người rất thân thương.

- Vô Kỹ mang đến một sứ điệp của thiền sư Atangana, người bạn chí thân ngày xưa của Ông Ngoại, một vị A la hán. Một vị đã chứng ngộ ý nghĩa của cuộc đời trôi nổi.

- Vô Kỹ tự giới thiệu đã 800 năm tu luyện, đi theo Đạo Trời.

- Một cách nào đó Vô Kỹ là hiện thân, là biểu tượng của nền văn hóa Đại Việt, đã được từ từ thành hình, từ đời Lạc Long Quân, với bao nhiêu đóng góp của Lão Tử, Không Tử và Đức Bụt ...

- Vô Kỹ cũng là tiếng nói lương tri của Nguyễn Trãi. Không nghe Vô Kỹ, Nguyễn Trãi đã không nghe tiếng nói nghìn đời, thâm sâu của lòng mình. Tiếng nói ấy vọng lại lời thề nguyện giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ.

Khi nhận thấy không được lắng nghe, Vô Kỹ muốn vót vát:

" Kẻ thông minh và kẻ thường quan sát sâu sắc người khác, thì rất dễ thiệt mạng, bởi vì kẻ ấy chỉ trích người ta một cách chính xác, đúng đắn. Kẻ nào mình mẫn, tinh nhuệ thì dễ mang họa cho bản thân mình, bởi vì kẻ ấy phơi bày khuyết điểm của kẻ khác ra " ⁵⁸.

Bạn bè của Nguyễn Trãi như Mộng Tuân cũng có những nhận xét tương tự :

" Con người nho sĩ này thực là hết chịu nổi " ⁵⁹.

Đối với Trần Nguyên Hân, Nguyễn Trãi là " con người chuyên môn lên lớp thiên tài " ⁶⁰.

Thực ra trong số các tướng lãnh của Lê Lợi, đa số khâm phục Nguyễn Trãi, nhưng không cảm thấy mến yêu ⁶¹. Chính Lê Lợi cũng thường xuyên cảm thấy một

sự bức tức ngấm ngầm nào đó xâm chiếm mình. Ông ngẫm nghĩ: Cần phải tận dụng con người này tối đa, rồi ngày mai lại sẽ tính sau ⁶².

Và ngày ấy đã đến, sau khi Lê Lợi trở thành Lê Thái Tổ. Ngài đã sử dụng cách xử thế "Vắt chanh bỏ vỏ" đối với Nguyễn Trãi. Tuy nhiên, tôi muốn nhấn mạnh lại một lần nữa, sau 1428 Nguyễn Trãi đã thất bại, vì Nguyễn Trãi đã không sống cái đạo " Vô công, Vô tư " của Lão Tử, để dừng lại, rút lui vào đúng thời điểm của mình.

" Làm mà không cậy công ;

" Thành công mà không ở lại

" Bối vì không ở lại,

" Nên không bị bỏ đi " ⁶³.

Thêm vào đó, vì quá "lên lớp", Nguyễn Trãi đã quá "BÁC" mà không tôi luyện " TRÍ", cho nên số lượng kẻ thù trong triều đình, càng lúc càng gia tăng. Và khi kẻ thù càng nhiều, Nguyễn Trãi càng bị tê liệt, cô lập và cô đơn. Rốt cuộc đèo bòng vô số chuyện, nhưng không làm được chuyện gì .

"Người trí không học rộng,

Người học rộng không trí" ⁶⁴.

"Trí" ở đây có nghĩa là biết mình và biết người; "Bác" là thấy nhiều điều, biết nhiều chuyện, nhất là chỉ những điều bề bộn nơi kẻ khác. Con người "Trí" có khả năng nhìn với "con mắt thứ ba", từ vị trí thứ ba. Con người "Trí" sống và hiến dâng một tấm lòng. Sứ mệnh của họ là "luyện vàng", biến không thành có. Giúp đỡ từng người, bất kể xấu hay tốt, ngày ngày trở thành người.

2.- Hình tượng "con rắn".

Từ vị trí thứ ba, với con mắt thứ ba, chúng ta có khả năng "thấy" Thị Lộ với nhiều bộ mặt khác nhau.

Cũng vậy, khi nhìn mình, chúng ta cũng có khả năng nhận ra "con rắn muốn báo thù ba đời, đòi nợ máu" đang đóng sào huyết trong chính quả tim của chúng ta.

Thực ra, trước khi khoa Phân tâm học của Freud ra đời, trong mọi nền văn hóa, tôn giáo, xứ sở ... ⁶⁵, những câu chuyện về rắn hóa thành người, hay là biến thân, mang lột rắn được kể đi kể lại từ người này qua người khác và lưu truyền bằng miệng, từ thế hệ này qua thế hệ sau.

Trong văn học, những câu chuyện ấy được sắp xếp vào mục văn chương bình dân và được mang những nhãn hiệu như Chuyện thần thoại, hoang đường, dị đoan, cổ tích, huyền sử ...

Khi nghe những câu chuyện như vậy, trẻ em thường rất chăm chú, và lưu tâm một cách tự nhiên. Chúng nó vừa thích thú muốn nghe, vừa run sợ nên ngồi sát lại gần nhau...

Rắn cũng thường hiện hình trong các giấc mơ về đêm của chúng ta.

Khoa huyền giải của Phân tâm học, từ đầu thế kỷ 20, đã cho chúng ta một số chìa khóa, để khai mở bức màn mờ mờ ảo ảo, vừa úp vừa mở trộn lẫn với nhau.

Những hình ảnh được ghi nhận như " con rắn bị đứt đuôi chảy máu " mang nhiều ý nghĩa cùng một lúc, cho nên được gọi là hình tượng hay là biểu tượng đa năng, đa diện, đa phương. Đa có nghĩa là nhiều. Hẳn thực, rất nhiều ý nghĩa cô đúc lại với

nhau, chồng chéo trên nhau. Đó là chìa khóa thứ nhất. Chìa khóa thứ hai mang tên là đời chỗ có phần vụ đánh lạc hướng, cho nên trong mỗi hình tượng có vấn đề bất rầu ông nọ, đặt cảm bà kia. Giống như con kỳ nhông, mỗi hình tượng thay đổi màu sắc, ý hướng tùy mạch văn, tùy bầu khí, tùy hoàn cảnh, môi trường và bình diện khảo sát. Mỗi hình tượng không nằm ù lì một chỗ. Chẳng hạn con rắn làm gì, ở đâu, nói gì, đi một mình hay là có tháp tùng. Bên ngoài làm sao và tâm tình bên trong thế nào: giận dữ, khản khoản hay là đau đớn. Đứng trước cảnh tượng ấy, chứng kiến mọi điều xảy ra, người nằm mơ, người trong cuộc mang tâm trạng, xúc động thể nào. Đó là chìa khóa thứ ba mang tên là tiến trình của màn kịch, cách kết thúc.

Trở về với tất cả những gì có liên hệ đến đời sống xúc động và tình cảm, chúng ta sẽ nhận thấy cách dễ dàng : mỗi giấc mơ, mỗi câu chuyện hoang đường ... khi được kể, khi được nghe cũng như khi được thuyên giải, đều vén màn, mặc khải cho người trong cuộc nhận diện và đối diện những nhu cầu thâm hiểm của chính mình. Ai là người trong cuộc ? Khi đi xem kịch - bi kịch, hài kịch hay bất kể loại kịch nào - chúng ta có thể đứng ở ngoài nhìn vào. Đó là thái độ khán giả. Hay là chúng ta đi vào bên trong: cùng khóc, cùng run, cùng sợ, cùng ghét, cùng tức tối giận hờn hay là bối rối lo âu.

Chẳng hạn khi đọc Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, phải chăng tôi đồng hóa với nàng Kiều hay là chỉ làm khán giả lạnh lùng, không có quan hệ tình cảm sâu xa, không muốn đồng hành và chia sẻ.

Nhà phân tâm trị liệu, trong những tình huống chữa bệnh, tạo điều kiện tin tưởng, đặt ra những câu hỏi "hộ sinh", giúp người thân chủ từ vị trí chủ quan chuyển qua vị trí khách quan. Để kết thúc, người thân chủ sáng tạo cho mình vị trí liên chủ quan. Khi có tình người, tình thương và lòng kính trọng ở trong nội tâm, người ấy sẽ tìm thấy con đường giải quyết những vấn đề hiện sinh. Khi thương rồi, thì không còn khổ đau "sinh, lão, bệnh, tử". Nếu vẫn còn khổ đau, thì chính khổ đau ấy trở lại nuôi dưỡng tình thương. Khổ đau lúc bấy giờ là con đường cho phép tôi làm Bụt, làm Chúa ... " No matter what the problem, love is the answer ". Trong hiện tại, bất kể vấn đề gì đang đến với bạn, bạn hãy đem tình thương vào trong mọi cách giải quyết.

Trở về với con rắn, nó là ai? Là gì? ⁶⁶.

Bất kỳ một đứa bé nào ở thôn quê, ngày ngày tiếp xúc với thực tế của cuộc sống, đều hiểu rằng:

- Rắn là loài bò sát.
- Rắn ở trong những hang động và lùm cây. Chỉ khi nào bị quấy rầy, mất chỗ ở và sinh sống, chúng nó mới hoảng hốt bỏ ra, đi tìm chỗ ở nơi khác.
- Rắn rất có ích cho người nông dân. Lương thực của nó là chim chóc, côn trùng, chuột bọ. Nhờ rắn, người nông dân giải quyết được vấn đề sâu rầy, chuột bọ phá hại mùa màng, hoa quả ...
- Khi mất chỗ ở, bị phá phách quấy rầy, rắn có thể vào nhà, leo lên mái tranh, trốn núp trong gối chăn, giường chiếu, bàn thờ tổ tiên...
- Rắn có thể làm món ăn " cao lương mỹ vị" hay là biến chế thành vị thuốc trường sinh, bồi dưỡng nhiều cơ phận.
- Có những loài rắn như rắn mai, rắn hổ ... có mang nọc độc giết người ở dưới răng của mình.
- Rắn chỉ cắn, để tự vệ, vì sợ, khi bị quấy rầy, tấn công, hay là bị chà đạp, dẫm nát.
- Thông thường, thấy người thì rắn rút lui, đi chỗ khác. Nếu chúng ta thấy và tránh đi chỗ khác, không đe dọa chúng nó, thì chúng nó không bao giờ tìm đến cắn chúng ta một cách vô duyên cớ.
- Nói tóm lại, trong thiên nhiên rắn là bạn hơn là thù đối với con người.

Môi trường sinh thái được điều chỉnh, điều hợp, nhờ vào sự kiện là rắn tiêu thụ những loài vật phá hại mùa màng. Nhờ hang động của rắn, khí và nước có thể vào trong đất, làm cho đất trở nên màu mỡ. Rắn giúp con người giải trừ nhiều độc tố xuất

hiện trong môi trường sinh sống.

Trên bình diện tâm lý, rắn là hình tượng, mang hai ý nghĩa cơ bản là đời sống tình cảm và nhu cầu sinh lý.

Nếu hai con rắn này không có chỗ ở, không được nuôi dưỡng, bị quấy rầy, khinh thị hay là bị thương tích, chúng nó từ bạn biến thành thù cho con người.

Hai triệu chứng bệnh hoạn xảy ra, khi hai con rắn này bị thương tích, như đứt đuôi chảy máu, một cách đặc biệt, khi cơ quan sinh lý bị thiên hoạn vì nhiều lý do, trong đó có lý do nghề nghiệp như con đường hoạn quan ... Triệu chứng thứ nhất là vì lý do bù trừ quá khích, họ cương phòng cái tôi của mình để đàn áp, thủ tiêu kẻ khác. Lý do thứ hai là thái độ luôn cúi, nịnh bợ, thích hào nhoáng, vị thế chức quyền. Các hoạn quan thường là những tay sai trung tín của các bà hoàng hậu và cung nữ trong triều đình. Họ huênh hoang, hãnh diện vì việc làm ấy.

Vì những "Con rắn bị đứt đuôi, có khả năng báo thù ba đời này", cái điếm "hai không, tứ họa"⁶⁷ cứ đè nặng lên số phận của Nguyễn Trãi và của mỗi người Việt Nam. Cứ mỗi lần đuổi được hai quân Minh, thì bốn người Việt Nam phải mất đầu, do chính bàn tay sát hại của người anh chị em đồng bào!

Phương thức hóa giải, như tôi đã trình bày trong các chương trước đây, là nhìn nhận chúng ta có những nhu cầu cơ bản, chính đáng. Khi chúng ta săn sóc, coi trọng những con rắn ấy, cho chúng nó chỗ ăn, chỗ ở, chỗ sinh hoạt ... chúng nó là những người bạn tri kỷ quý hóa.

Trái lại, khi chúng ta cắt chặt nghĩa là kiểm duyệt, dồn nén, gây thương tích, đánh đuổi ... những con rắn tình cảm và sinh lý ấy sẽ "báo thù ba đời" bằng cách nầy hay cách khác, làm cho chúng ta băng hoại.

Khi chúng ta thiên hoạn chúng nó, chúng ta thiên hoạn chính bản sắc, căn cước, gốc bản của chúng ta. Của Đồng bào. Của Đất Nước.

Theo lời của thánh Âu-cơ-tinh, hãy yêu, hãy xây dựng Đền thờ cho Tình yêu trong tâm hồn, rồi bạn hãy làm gì thì làm: phục vụ đồng bào, xây dựng đất nước, xua đuổi xâm lăng và thực dân. Khi chưa có tình yêu, mọi điều chúng ta làm là "xây nhà trên cát". Là "hai không, tứ họa".

Âu-cơ-tinh ở bên Tây, Atangana ở bên Đông, cả hai đều đồng tâm, đều chia sẻ một lối nhìn giống nhau!

3.- Thị Lộ và cái chết của Nguyễn Trãi

Phải có tầm cỡ 800 kinh nghiệm về cuộc sống làm người⁶⁸,

- Phải có 800 năm hiểu biết về lịch sử và văn hóa của Đại Việt,
- Phải có 800 tu luyện trong con đường "Tình Thức và Tình Thương" được chất lọc từ nhiều tôn giáo khác nhau như Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo...
- Phải có 800 năm học tập bắt mạch những nhu cầu cơ bản cũng như khám phá căn bệnh trầm kha của người Việt Nam, do tai họa của chiến tranh gây nên,
- Phải có những kiến thức tinh nhuệ về số tử vi, nhất là về ý nghĩa của "hai không bốn họa,"
- Phải luôn luôn hiện diện bên cạnh Nguyễn Trãi, vào những lúc trọng yếu, do một sợi dây liên kết định mệnh ...

Vô Kỹ mới thúc giục Nguyễn Trãi: "... **hãy chia sẻ niềm vui với gia đình con mà con đã phục hồi lại trong vinh quang** "⁶⁹.

Chiến tranh đã "thiên hoạn" sự có mặt của người Cha trong đời sống gia đình. Con rắn gia đình bị đứt đuôi chảy máu ...

Từ đời này qua đời nọ, người Cha Việt Nam phải luôn bị tổng ra ngoài chiến địa :

"Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa,

Gieo thái sơn nhẹ tựa hồng mao".

Thái sơn ở đây phải được hiểu : "Công cha như núi Thái Sơn". Và vì chiến tranh, cái công ấy đã bị coi nhẹ, khinh thường, chưa được " phục hồi lại trong vinh quang", giống như ý nguyện của đạo sĩ Vô Kỵ. " Vô Kỵ "là gì theo Lão Tử? Là những con người "Vô công, vô danh", không đeo bông, đuổi bắt trên con đường công thành, danh toại và lợi ích cá nhân⁷⁰. Thế nhưng, từng từng thế hệ như Nguyễn Trãi đều bị đầu độc và ám ảnh:

"Phải có công gì với núi sông!".

Kết quả trước mắt là trên cả ba miền Việt Nam, người mẹ đồng hóa với hòn núi Vọng Phu, suốt năm, suốt tháng bông con, đợi chờ chồng từ chiến trận trở về. Nhưng không bao giờ về.

Lớn lên, những đứa con bỏ nhà ra đi tìm cha. Không có cha. Chỉ có những roi đòn, chửi bới, la mắng. Cho nên chúng nó họp lại thành băng đảng, cướp giết, cao bồi, hút xách, lang thang, phiêu bạt.

Chiến tranh chống thực dân xâm lăng đã chấm dứt. Những "kẻ thù ngày xưa" đã trở lại thăm viếng đất nước Đại Việt như F. Mitterand, J. Chirac và B. Clinton. Nhưng hậu họa chiến tranh vẫn còn tiếp diễn mấy đời, mấy thế hệ nữa ? Người Việt Nam chưa trở về. Chưa "nhất tâm" với nhau.

Và chính trong cuộc đời từ 47 tuổi trở lên, Nguyễn Trãi có " ngó ngang" đến vợ con hay không?

Hỏi tôi còn là đứa bé, tôi được nghe thầy dạy: "Gia huấn ca" do Nguyễn Trãi sáng tác để giáo dục con cái. Các nhà nghiên cứu về Nguyễn Trãi, như Nguyễn Thạch Giang đang đặt lại vấn đề " ai là tác giả đích thực của tác phẩm ấy..."?⁷¹

Trong vòng 20 năm, Trần Thị Thanh, vợ của Nguyễn Trãi đã sống thế nào. Ngày hòa bình trở lại, nàng còn sống hay không? ⁷² Có bao giờ Nguyễn Trãi nhớ lại lời từ biệt đầy nước mắt và nhức nhối tận hồn sâu, trước lúc vì đất nước ông theo cha ra đi:

" Anh yêu dấu, trái tim em xót xa vì sắp phải chia tay anh bao nhiêu, thì nó càng đau đớn hơn gấp bội, nếu nữ tì của anh cản trở anh trong việc thi hành bổn phận.

Anh hãy yên tâm ra đi!

Lúc vắng anh, ngày và đêm em sẽ luôn luôn ở trên núi Vọng phu "⁷³.

Và ngày Nguyễn Trãi trở lại, sau 20 năm xa cách biệt lập, Thị Thanh còn sống hay không?

Theo Bùi Văn Nguyên⁷⁴, Bà đã có mặt và cùng chia sẻ số phận với chồng, trong vụ án vườn Lê Chi. Tuy nhiên, tác giả này khẳng định nhiều tin tức, mà không bao giờ cho biết tài liệu tham khảo hay là nguồn xuất xứ có được kiểm chứng một cách nghiêm chỉnh hay không. Đó là một điều rất đáng tiếc về mặt khoa học sử liệu.

Trong tác phẩm Vạn Xuân, Thị Thanh không còn xuất đầu lộ diện, sau năm 1428. Duy người đầy tớ Nụ Lài, đã được bà sai đến Đông Quan phục vụ chồng và lo cho chồng vấn đề chăn gối, thường gọi lại hình ảnh " bà chủ " với bộ đồ tang phục khoác trên mình suốt ngày đêm⁷⁵. Đó cũng là một cách tuyên giải đầy tế nhị của Y. Feray không muốn quá bôi đen thực trạng vợ con gia đình của Nguyễn Trãi.

Phân Thị Lộ cũng không hạnh phúc, bởi vì Nguyễn Trãi không có tâm hồn bình an và thoải mái để khám phá nhiều bộ mặt khác nhau của người vợ thiếp này⁷⁶. Thị Lộ vừa là người học trò ngưỡng mộ thầy, ngày đêm canh phòng từng nguồn cảm hứng, từng sáng tác nhỏ nhặt của Thầy. Thị Lộ cũng là đồng chí kháng chiến, ngày đêm làm chị nuôi và mẹ nuôi cho hoàng tử Long, con của Lê Lợi, mồ côi mẹ, từ hồi còn bé thơ. Thị Lộ không có con với Nguyễn Trãi, cho nên đồ đồn tình mẹ cho hoàng tử Long. Cậu bé này sẽ trở thành vua Lê Thái Tông sau khi vua cha qua đời. Giữa yêu thương dịu dàng đối với Thị Lộ như người mẹ hay như người tình duyên

dáng, mặt mà, Vua Lê Thái Tông không phân biệt một cách rõ ràng và sáng suốt trong mỗi phong độ hằng ngày.

Thay vì trao đổi, gây ý thức, giúp đỡ Thị Lộ trong vấn đề xử thế, Nguyễn Trãi nghe theo dư luận, tiếng đồn thổi, dị nghị và dèm pha của môi trường hoạn quan và cung nữ.

Khi tình cảm không trắng đen một cách rõ ràng minh bạch, tình cảm ấy trở thành "con rắn làm hại và trả thù ba đời".

Thêm vào đó, khi được vua Lê Thái Tông (trước kia là hoàng tử Long) phong làm Lễ nghi học sĩ, giữ công việc dạy dỗ cung nhân trong triều đình, Thị Lộ lại bước vào một hàng động mới của Rắn còn hung bạo và nguy hiểm hơn ⁷⁷. Hai con rắn là hai bà vợ của Lê Thái Tông : Nguyễn Thị Anh và Ngô Thị Ngọc Dao, làm sao có thể chịu được nhau. Người đầu là mẹ của Băng Cơ, sau này là vua Lê Nhân Tông. Người thứ hai là mẹ của Tư Thành, sau này là vua Lê Thánh Tông. Vì Thị Lộ bênh vực Ngô Thị Ngọc Dao, Nguyễn Thị Anh đã tìm mọi cách và mọi cơ hội để trả thù.

Giữa tình huống xung đột ấy, trong một chuyến đi kinh lý, vua Lê Thái Tông đột nhiên chết ở Vườn Lê Chi, do một cơn sốt ác tính hay là bị ngộ độc do một bàn tay bí mật cố tình, không một ai có thể xác định.

Vì Thị Lộ lúc ấy có mặt bên cạnh nhà vua, Nguyễn Thị Anh chớp lấy thời cơ, để lập nên vụ án.

Bị tra tấn dã man, Thị Lộ đã chấp nhận trong hôn mê mọi tội lỗi do bọn hình quan thuộc phe của Nguyễn Thị Anh bày đặt ra.

Thực tế trắng hay đen? Mỗi người có cách thuyên giải riêng tư của mình. Dù sao trong vụ án Vườn Lê Chi, Thị Lộ vừa là nạn nhân, vừa là người có trách nhiệm. Cũng vậy, Nguyễn Trãi vừa là nạn nhân, vừa có trách nhiệm vì đã không gây ý thức kịp thời cho Thị Lộ. ***Trong mỗi điều lành hay việc dữ, ai ai cũng góp phần ít hay nhiều của mình.***

Tuy nhiên, "Vườn Lê Chi" chỉ là giọt nước cuối cùng của một ly nước từ từ tràn đầy, từ ngày mà tình cảm không được nhận diện và đối diện. Trên đường về Thăng Long, khi được tin bị kết tội "cùng với vợ giết vua", Nguyễn Trãi có thể trốn thoát theo lời đề nghị của một đạo sĩ vô danh. Nhưng Nguyễn Trãi đã lãnh trách nhiệm : đã ở lại, đã chết với Thị Lộ, đã dâng cho Thị Lộ một tấm lòng trung tín viết ra bằng máu của mình...

Và khi chấp nhận chết như vậy, Nguyễn Trãi muốn nói một cách rõ ràng minh bạch cho các thế hệ về sau biết rằng: "Tôi chết, vì tôi không biết hóa giải kịp thời những vấn đề thuộc đời sống xúc động và tình cảm. Con rắn này đã sát hại người Việt Nam từ đời này qua đời khác.

Vậy để sống cách tròn đầy và viên mãn, từ đây, các bạn hãy học tập hóa giải, bằng cách nhận diện và đối diện những xúc động và tình cảm của mình. Hãy coi trọng nhu cầu yêu đương và ân ái!".

Trở lại bài học ấy, Nguyễn Trãi đã để lại cho quê hương và anh chị em đồng bào một tấm lòng bao la không bến bờ ... Một cơ sở tất yếu, phải có để xây dựng con người Việt Nam.

Nguyễn Trãi là tác giả của kế hoạch Tâm Công. Nhưng con đường Tâm Công không bị hạn chế trong lãnh vực kháng chiến chống xâm lăng mà thôi. Tâm công phải được thu hóa và hòa nhập trong mỗi đường đi và ngõ về của cuộc đời. Nguyễn Trãi đã thành tựu về vang một chặng đường. Đến lượt, đến thời của chúng ta là con cháu, chúng ta tiếp tục những gì do các bậc đàn anh đã bắt đầu. Họ thành công? Chúng ta tiếp nối mở rộng. Họ gặp trắc trở? Chúng ta can đảm "dừng lại", đánh giá để kiện toàn.

Đó là ý nghĩa thâm trầm của câu ca dao tục ngữ:

"Con hơn cha là nhà có phúc".

"Hơn" ở đây không mang ý nghĩa và tâm trạng phân biệt nhị nguyên. Sở dĩ, hôm nay hơn ngày qua, vì chúng ta thừa kế một gia tài mồ hôi, nước mắt, xương máu của

tổ tiên cha ông từ Lạc Long Quân và bà Âu Cơ. Chúng ta đang cưu mang Trời và Biển trong tấm lòng Vạn xuân và Đại việt của mình. Chúng ta, vì tư cách làm người, cần phải " tri chi ", dừng lại, không phản bội hai dòng máu ấy đang sôi trào trong chúng ta. Và khi làm, hãy làm với tinh thần " Vi Vô Vi": làm như "Mặt Trời". Còn hơn thế nữa, mỗi người Việt Nam là mặt trời sáng soi, sưởi ấm và nuôi sống anh chị em đồng bào của mình.

Nguyễn Trãi đề nghị một viễn tượng còn kỳ hùng hơn : mặt trời sẽ mọc lên từ Biển Đông. Sau khi vượt qua những rặng núi Trường Sơn, mặt Trời sẽ mang Ánh sáng và Hơi Ấm cho toàn Địa Cầu. Một ngày Hòa Bình sẽ là Mùa Xuân bắt tận từ Đông qua Tây. Từ Nam lên Bắc. Từ trong toát ra bên ngoài. Từ "Cái Tôi" bé nhỏ bần tiện, hẹp hòi, mỗi người con dân Việt Nam sẽ ý thức mình đang làm nên " Đại Ngã" lớn lao, bao la và cao cả ...

*

* *

Lời kết

Tấm lòng vạn xuân và Đại Việt

Trong những ngày này, khi cuốn sách về Nguyễn Trãi sắp được kết thúc và hoàn thành, thế giới đang bước sang thời đại của Nghìn Năm Thứ Ba, với bao nhiêu vấn đề còn ngang ngửa, bẽ bộn, trầm trọng và kinh hoàng. Chính trong đêm Giao thừa, giới trẻ ở Pháp, tại thành phố xinh đẹp, duyên dáng, trữ tình như Strasbourg, đã tràn ra đường bạo động, châm lửa tưới dầu xăng đốt hàng trăm chiếc xe ô tô của dân chúng đậu ở hai bên vệ đường. Nhiều người trẻ chưa " già " hơn 14 tuổi. Trước nhà hữu trách, họ diễm nhiên và lạnh lùng khai báo: "Đốt cho vui, mừng xuân".

Đương chính lúc ấy, ở miền Nam nước Pháp và miền Bắc nước Ý, mưa rơi tầm tã, lụt lội, nước tràn vào nhà, khi dân chúng đang ăn mừng liên hoan. Theo lời giải thích của các nhà khoa học, nhiệt độ trung bình của Trái đất đang tăng lên hàng năm, gây xáo trộn, đảo ngược những nhịp điệu bình thường của hành tinh xanh, từ trước cho tới nay. Con người đang làm ô nhiễm địa cầu.

Cũng vào đêm Giao thừa và suốt ngày đầu năm, của năm đầu tiên 2001 thuộc thế kỷ 21, hai dân tộc Do thái và Palestine đã đụng độ nhau. Bạo động lại tràn ra đường. Ngày đầu năm trở thành ngày hận thù, đổ máu, tang chế ... Sáng mùng hai, chủ tịch Yasser Arafat đã phải bay qua Hoa Thịnh Đốn gặp Tổng Thống B. Clinton. Liệu hai nhà lãnh đạo ấy còn có một trò ảo thuật nào chưa bao giờ sử dụng, để làm xuất hiện trở lại những cánh chim bồ câu hòa bình ? Tuy nhiên, Hòa Bình thực sự chỉ đến từ bên trong một tấm lòng. Hòa Bình là mùa màng gặt hái, cho những ai đã gieo vãi hòa bình. Hòa Bình chỉ xuất hiện cho hai người, giữa hai người, khi cả hai nhìn nhận nhau là người, có quyền làm người, có quyền tạo ra cho mình một quê hương để trở về khi thương nhớ. Một quê hương để dạy con cái thành người, thay vì gửi chúng nó đi xâm lăng, thực dân, khủng bố, làm không và hải tặc. Một quê hương để mở tay, mở lòng đón nhận những ai cần một nơi nương tựa trên hai bình diện vật chất và tinh thần. Càng biết đón nhận kẻ khác bao nhiêu, chúng ta càng thành người bấy nhiêu.

Kế hoạch của con người, trong nghìn năm thứ ba này, theo các nhà khoa học nghiên cứu vũ trụ, là đổ bộ lên Hỏa Tinh (Mars) thành lập ở đó một trạm thông tin và một trung tâm nghiên cứu. " Hiện tại " của Hỏa Tinh sẽ cho chúng ta biết về "tương lai" gần xa của Trái Đất. Thấu triệt được phương thức Hỏa tinh đang tự hóa giải bao nhiêu vấn đề về đất màu, nhiệt độ, thời tiết, núi sông ... có lẽ con người sẽ "khôn ngoan" hơn : tránh những điều cần tránh và can đảm bắt tay thực hiện để xây dựng từ bây giờ một tương lai hài hòa giữa con người và vũ trụ, cũng như giữa con người với con người. Một cách đặc biệt, hài hòa với chính mình... Đó là phương thức xây dựng "Trời mới, Đất mới".

Khi trở lại viếng thăm Nguyễn Trãi, sau 600 năm xa cách, tôi cũng đã làm một công việc tương tự giống như đổ bộ lên Hỏa Tinh.

Nguyễn Trãi là ngôi sao đã dâng hiến cho Đất Nước và anh chị em đồng bào ánh sáng và hơi ấm của một tấm lòng. Kế hoạch Tâm Công, đã được Nguyễn Trãi suy tầm và thực hiện, cũng là nếp sống và chương trình hành động của chúng ta ngày hôm nay và ngày mai. Để mạnh mẽ, can trường bước vào tương lai, chúng ta hãy tìm lại điểm tựa và đòn bẩy, như Nguyễn Trãi đã làm, trong Tấm Lòng Trời và Biển mà Lạc Long Quân và Âu Cơ đã hiến tặng cho nhau ... khi họ yêu nhau.

Hôm ấy, như câu chuyện của văn sĩ M. Waddel kể lại cho trẻ em khắp năm châu, bốn bề, hai anh em Đại và Tiểu gấu dẫn nhau vào rừng dạo chơi suốt ngày ⁷⁸. Hai anh em mệt nhọc, nhưng vui sướng và hạnh phúc, trở về hang động của mình, vào lúc hoàng hôn đỏ xuống.

Sau bữa cơm chiều thanh đạm, Đại Gấu tắm gội và thay áo quần cho em. Tiểu Gấu bí bô kể lại cho anh những điều chính mình đã quan sát và ghi nhận : hình ảnh có màu sắc thế nào, âm thanh của rừng núi trầm bổng làm sao. Tâm hồn của Tiểu Gấu nhẹ nhàng phơi phơi như những đám mây bông bồng bênh từ ngọn đồi này qua ngọn đồi khác ... bao nhiêu kỷ niệm tuôn trào... như dòng suối mát lạnh đang phun ra từ những tảng đá.

Sau một hồi lắng nghe em trầm trồ, Đại Gấu bồng em đặt vào giường, tắt đèn, hôn em và qua phòng bên cạnh đọc sách.

Đọc chưa xong mười hàng, Đại Gấu đã thấy em đứng nhìn mình, đằng sau cánh cửa.

- Sao em không ngủ?
- Em ngủ không được.
- Sao em ngủ không được?
- Em sợ!
- Sợ gì hở em?
- Bóng tối tràn lan khắp nơi, trên giường, phía dưới và chung quanh ...

Đại Gấu đến bồng em, đặt lại vào giường, hôn em và đi tìm cây đèn nho nhỏ, đốt lên, để ở giữa phòng.

- Bây giờ hết bóng tối rồi. Chúc em ngủ thật ngon.
- Cảm ơn Anh.

Đại Gấu đi ra, trở về chỗ cũ, cầm sách lên tiếp tục đọc. Đến đoạn bắt đầu éo le, hấp dẫn, Đại Gấu lại nghe tiếng động trong phòng của em. Thì ra Tiểu Gấu cứ lăn qua, lăn về, che mặt sụi sụi.

- Em có chuyện gì?

- Em ngủ không được!

- Sao em ngủ không được?

- Em sợ.

- Lần này em còn sợ gì?

- Bóng tối còn tràn lan khắp nơi. Hãi hùng quá!

- Anh đã đốt đèn cho em mà!

- Ánh sáng bé tí tiu, mà bóng tối thì dày đặc, tràn lan, to tướng ... nó há to miệng chờ nuốt em..

Đại Gấu lại gần hôn em, thoa đầu cho em và đắp lại tấm mền trên mình em.

Đại Gấu đốt thêm một cây đèn.

- Anh đốt thêm một cây đèn. Hết bóng tối rồi.

Chúc em ngủ ngon.

- Cảm ơn Anh.

Đại Gấu trở về bàn, đọc tiếp đoạn sách quá hấp dẫn. Nhưng tiếng động ở phòng của Tiểu Gấu lại nổi lên. Đại Gấu gãi đầu suy nghĩ, rồi đi vào xem em có chuyện gì.

Tiểu Gấu ngồi dậy trên giường, đưa hai tay bịt mắt, miệng lẩm bầm "mày dễ sợ, mày dễ sợ".

- Sao vậy em, có chuyện gì?

- Em càng lúc càng sợ, Anh ơi!

- Em sợ gì?

- Thì cũng bóng tối cứ lại gần dọa em. Nó còn bay chập chờn, múa máy tứ tung, nghe hai hàm răng nhọn hoắt...

- Thôi Anh đi đốt cho em cây đèn bự nhất nhà nhé!

Lần này hết bóng tối rồi.

Em ngủ ngon nhé.

Nói xong Đại gấu hôn em và đi ra.

- Cảm ơn Anh.

Mười phút sau, có tiếng khóc sụt sùi càng lúc càng tăng lên cường độ. Đại Gấu bỏ sách xuống, bước vào phòng của Tiểu Gấu.

- Anh ơi, em sợ quá. Bóng tối vẫn y nguyên, mặc dù Anh đốt hết đèn của nhà mình.

- Thôi được rồi, em khoác áo ấm vào, Anh em mình đi ra ngoài sân một chút.

- Sao ra ngoài đó? Bóng tối còn mênh mông

hơn. Em sợ lắm. Thôi đừng đi, Anh ơi!

- Không can gì, Anh cầm tay em. Đi với Anh.

Có Anh mà!

Hai anh em vừa ra khỏi cầu thang dẫn vào vườn. Tiểu Gấu hét la lên, ôm chặt lấy Đại Gấu. Đại Gấu cúi xuống bông em, ôm em tựa sát vào mình. Vừa đi ra, Đại Gấu vừa đưa tay chỉ trăng và sao cho em. Đại Gấu nói lung tung và huyền thuyên :

- Tiểu Gấu ơi, em xem kìa. Trên đó có bao nhiêu ngọn đèn. Ngọn kia ở giữa thật bự, bự hơn cả cây đèn nhà mình. Trong đám sao này có tên Em, tên Anh ở đằng xa kìa...

Không nghe em trả lời, Đại Gấu ngưng nói, nhìn em. Thì ra Tiểu Gấu đã ngủ say mê trong cánh tay của Đại Gấu ... không còn sợ bóng tối tràn lan chung quanh ... không thèm nhìn trăng sao gì nữa. Hơi ấm của Đại Gấu đã xóa tan mọi bóng đêm hãi hùng.

Hỡi người em Việt Nam thân thương!

Có những lúc bóng tối dày đặc bao phủ quê hương, đất nước của mình ... Với cả tài đức và trí thông minh, nhiều bậc đàn anh đã lần lượt đốt lên nhiều ngọn đèn mua về từ phương Bắc, phương Tây, từ Nga, từ Ấn Độ, từ Châu Mỹ ... Không ngọn đèn nào có thể xóa tan bóng tối cả ... thậm chí Trăng sao từ trời cao, từ ngoài kia địa cầu ...

Cuối cùng, Nguyễn Trãi đã thắp lên một tấm lòng. Đó là tấm lòng yêu thương, an bình và tha thứ, mang tên là " Tâm Công". Đến lượt, đến phiên chúng ta, anh em mình cũng hãy đốt lên một tấm lòng ... Tấm lòng ấy làm cho đất nước trở thành Vạn xuân và Đại Việt.

- **Em là Nước?** Anh xin làm Biển
Cả:

*Cũng theo Em đến những miền
xa lạ,*

*Gieo vãi Tình Thương, khung trời
mở rộng*

*Hiển cho đời mầm non trào nhựa
sống.*

- **Em là Hoa?** Anh xin làm mãinh
đất:

*áp ủ vun trồng, dịu dàng thân
mật.*

*Dưới mỗi bước chân, hương trầm
bát ngát,*

*Trên khắp non sông, nường đồng
ngào ngát.*

- Em là Trời? Anh xin làm không
khí:

*Đón nhận Em trong trái tim bình
dị.*

*Em an bình, tâm hồn Anh diệu
vời.*

*Em hạnh phúc, cuộc đời Anh phơi
phới.*

- Em là Mây? Anh nguyện làm
gió mát:

*Thổi ân tình vào lòng ai ngọt
ngát,*

*Gieo thái hòa trên vùng đất bạo
động,*

*Nuôi chí khí, đánh thức người
tuyệt vọng.*

- Em là Núi? Anh nguyện làm
rừng xanh,

*Động viên Em với tất cả lòng
thành :*

*Luôn đứng thẳng, nhìn Mặt Trời
tỏa rạng,*

*Tay vươn cao tiếp thu nguồn Ánh
Sáng.*

- Em là Đất? Anh hóa thân thành
Nắng:

*Sưởi ấm Em, bằng Đức Tin thắm
lặng,*

*Con người cũ chết đi nuôi Em
sống,*

*Con người mới gọi mời Em Hy
vọng.*

Lausanne, Mùa Xuân 2001

Nguyễn Văn Thành

Sách Tham Khảo

1 • Sách Nguyễn Trãi

- 1.1. **Bùi Văn Nguyên** - *Nguyễn Trãi và bản Hùng Ca Đại cáo* - Nxb. KHXH, Hà Nội 1999.
- 1.2. **Bùi Văn Nguyên** - *Văn Chương Nguyễn Trãi rực ánh sao Khuê* - Nxb. KHXH, Hà Nội 2000.
- 1.3. **Hồ Sĩ Hiệp** - *Nguyễn Trãi* - Nxb. Văn nghệ Tp. HCM 1997.
- 1.4. **Feray Yv** - *Vạn Xuân* - Dịch giả **Nguyễn Khắc Dương**, Nxb. Văn học và Sudestasic Hà Nội 1997.
- 1.5. **Feray Yv** - *Dix mille Printemps* - Ed. P.Picquier, Arles 1996. Tome 1 và 2.
- 1.6. **Nguyễn Trãi** - *Quốc Âm Thi tập* - **Nguyễn Thạch Giang**, Phiên khảo và chú giải, Nxb. Thuận Hóa, Huế 2000.
- 1.7. **Thiên Thụ** - *Nguyễn Trãi* - Lửa Thiêng, Sài Gòn 1973.
- 1.8. **Trần Huy Liệu** - *Nguyễn Trãi : Cuộc đời và sự nghiệp* - Nxb. Vh. Th.tin Hà Nội, 2000 - xb lần đầu 1966.
- 1.9. **Võ Văn Ái** - *Nguyễn Trãi : Sinh thức và hành động* - Quê Mẹ, Paris 1981.

2 • Về Lão Tử, Khổng giáo và Phật giáo

- 2.1. **Nguyễn Duy Cần** - *Lão Tử - Đạo đức Kinh*, 2 cuốn, Khai Trí Sài Gòn 1962 , 1974.
- 2.2. **Trang Tử** - *Nam hoa Kinh*, 3 cuốn, Khai Trí, 1963
- 2.3. *Trang Tử tình hoa* - Khai trí, 1970.
- 2.4. *Phật học tình hoa* - Khai Trí, 1971
- 2.5. **Phan Bội Châu** - *Khổng học đăng*, 2 cuốn, Nxb. Anh Minh, Huế 1957.

3 • Phân tâm học, Thuyết cơ cấu...Tiếp xúc, xúc động...

- 3.1. **Covey St. R** - *The 7 habits of hig ly effective*

people - Simon & Schuster LIK 1989.

- 3.2. **Crèvecoeur J.J** - *Etre pleinement soi-même* - Ed. Jouvence Genève 2000.
- 3.3. *Relations et jeux de pouvoir* - Equinoxe 21, Belgique 1999.
- 3.4. **Jampolsky G.G** - *Love is letting go of fear* Cel. Arts, CA 1979.
- 3.5. *Love is the answer* - Bantam, U.S.A 1991.
- 3.6. *Change your mind* - Bantam, U.S.A 1983.
- 3.7. **Nguyễn Văn Thành** - *Đường vào nội tâm* - Tình người, Lausanne 1997.
- 3.8. *Phát huy nhân lực* - Tình người, Lausanne 1998.
- 3.9. *Đối thoại, quê hương Tình người* - Tình Người, Lausanne 1999.
- 3.10. *Khung Trời mở rộng* - TN, Lausanne 2000.
- 3.11. **Senge P.** - *The fifth discipline* - Century B. London 1990
- 3.12. *The 5th discipline* : Fieldbook - Century B. London 1994.
- 3.13. *The dance of Change* - Nicholas Brealey, London 1999.
- 3.14. **Rosenberg. M.B** - *Les mots sont des fenêtres* Ed. Jouvence, Genève 1999.
- 3.15. **Stone D...** - *Difficult conversations* - Michael Joseph, London 1999.

Chú thích

¹ **Trần Huy Liệu** - *Nguyễn Trãi*, Nxb. Văn Hoà Thông Tin, Hà Nội 2000, tr. 207.

² **Võ Văn Ái** - *Nguyễn Trãi: Sinh thức và Hành động*, Quê Mẹ, Paris 1981, tr. 68.

³ **Nguyễn Trãi** - *Quốc Âm Thi Tập*, Nxb. Thuận Hoá, Huế 2000, tr. 88.

⁴ **Nguyễn Trãi**, *Sđd.* tr. 43: *Thủ vĩ ngâm*

- *Con đòi*: Người giúp việc.

- *Quyén*: Thu hút, cảm dỗ, rủ rê, làm lung lạc.

- *Xuế xoá*: qua loa, sao cũng được, không ngăn nắp trật tự.

- *Vần*: chó giữ nhà sẵn sàng sủa và cắn.

- *Bà ngựa già*: con ngựa cái không được thuần hoá, chế ngự.

⁵ **Võ Văn Ái**, *Sđd.* tr. 77-78, 86-99.

⁶ **Trần Huy Liệu - Nguyễn Trãi**: Cuộc đời và sự nghiệp, Nxb. Văn Hoà Thông Tin, Hà Nội 2000, tr. 35.

⁷ **Bùi Văn Nguyên** - 1- *Nguyễn Trãi và bản Hùng ca Đại cáo*, Nxb. XH, Hà Nội 1999; 2- *Nguyễn Trãi Rực ánh sao khuê*, Nxb. KHXH, Hà Nội 2000.

⁸ **Y. Feray** - *Vạn Xuân*, Nxb Văn Học và Sud est asie, Hà Nội 1996, tr. 11-15.
NB. in thiếu 3 ch. 3, 4 và 5 trong tập 7, hôn 100 trang bị cắt xén!?

Cần tham khảo thêm: *Dix mille Printemps*, Picquier, Marseille, 1996.

⁹ **Vạn Xuân**, tr. 10.

¹⁰ **Y. Feray** - *Vạn Xuân*, Nxb Văn Học, Hà Nội, tr. 408 - *Dix mille Printemps*, Picquier, Marseille, 1996.

¹¹ **Covey St** - *Les 7 habitudes*, Frirst Paris,

¹² **Bùi Văn Nguyên** - *Bản Hùng Ca*, tr. 322, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1999.

¹³ **Nguyễn Văn Thành** - *Đối Thoại*, TN, Lausanne, 1999, tr. 67-87.

¹⁴ **G. Jampolsky** - *Love is letting go of fear* - Celestial Arts Berkeley, California, 1979.

¹⁵ **Nguyễn Văn Thành** - *Đối thoại*, Tình người, Lausanne, 1999, tr. 67-87.

¹⁶ **Trình Đường** - *Thơ Việt*, Nxb Thanh Niên, 1999.

¹⁷ **Vạn Xuân**, tr. 297.

¹⁸ **100 bài thơ tình chọn lọc**, Nxb. Giáo-dục Hà Nội, 1993, tr. 141.

¹⁹ **Vạn Xuân**, tr. 299.

²⁰ **Vạn Xuân**, tr. 203.

²¹ **Vạn Xuân**, tr. 204-205.

²² **Trần Huy Liệu**, *Sđd*, tr. 8-9; **Y. Feray** - *Dix mille Printemps*, tone.I. p. 21-25: *Repères Chronologiques du Vietnam*.

²³ **Nguyễn Thiên Thụ** - **Nguyễn Trãi**, *Lửa Thiêng*, Sài Gòn 1973, tr. 214-230.

²⁴ **Vạn Xuân**, tr. 689-690.

²⁵ **Vạn Xuân**, tr. 703.

²⁶ **Vạn Xuân**, tr. 734-735.

²⁷ **Vạn Xuân**, tr. 759.

²⁸ **Vạn Xuân**, tr. 210-213.

²⁹ **Vạn Xuân**, tr. 760 và 639.

³⁰ **Vạn Xuân**, tr. 768.

³¹ **Vạn Xuân**, tr. 772.

³² **Vạn Xuân**, tr. 777-778.

³³ **Vạn Xuân**, tr. 779-780.

³⁴ *Dix mille Printemps*, tome.II. p. 215-217 Livre VII, ch. 4; *Con Kỳ Lân*, xem *Vạn Xuân*, tr. 140.

³⁵ **Vạn Xuân**, tr. 950.

³⁶ **Vạn Xuân**, tr. 951.

³⁷ **Vạn Xuân**, tr. 954-955.

³⁸ **Vạn Xuân**, tr. 954-955.

³⁹ **Vạn Xuân**, tr. 959-960.

⁴⁰ **Vạn Xuân**, tr. 960.

⁴¹ *Les spts habittudes*, tr. 30.

⁴² **Nguyễn Văn Thành - Đối Thoại**, tr. 37-39.

⁴³ **Vạn Xuân**, tr. 682-683.

⁴⁴ **Lão Tử**, *Đạo Đức Kinh*, ch. 37 (Bản dịch của **Nguyễn Duy Cần**) Khai Trí, Sài Gòn 1974, tr. 189.

⁴⁵ **Vạn Xuân**, tr. 891-906.

⁴⁶ **Trần Huy Liệu**, *Sđd.* tr.43.

⁴⁷ **Võ Văn Ái**, *Sđd.* tr. đề tựa lần Xb 1981. *Lá thư của P.c. Thiện* không còn, trong 2 lần xb. tiếp theo.

⁴⁸ **Vạn Xuân**, tr. 175

⁴⁹ **Vạn Xuân**, tr. 234

⁵⁰ **Vạn Xuân**, tr. 232

⁵¹ **Vạn Xuân**, tr. 234-

⁵² **Vạn Xuân**, tr. 234.

⁵³ *Đạo Đức Kinh*, ch. 44: "*Tri chỉ bất đãi*", *Sđđ.* tr. 232, trong cuốn II.

⁵⁴ *Sđđ.* ch. 63, II, tr.322, ch. 2, I, tr. 43-48, ch. 37, I, tr. 189-192.

⁵⁵ **Nguyễn Văn Thành**, *Khung Trời Mổ Rộng* - Tình Người, Lausanne 2000, tr.34-42.

⁵⁶ **Vạn Xuân**, tr. 860-863.

⁵⁷ **Vạn Xuân**, tr. 990-994.

⁵⁸ **Vạn Xuân**, tr. 994.

⁵⁹ **Vạn Xuân**, tr. 860.

⁶⁰ **Vạn Xuân**, tr. 863.

⁶¹ **Vạn Xuân**, tr. 858.

⁶² **Vạn Xuân**, tr. 848.

⁶³ **Lão Tử**, *Đạo Đức Kinh*, ch. 2, *cuốn I*, *Sđđ.* tr. 43-47.

⁶⁴ **Lão Tử**, *cuốn II*, ch. 81, tr. 403-406.

⁶⁵ *Để biết thêm khoa học này* , xen **Nguyễn Văn Thành**:

1- *Nẻo vào phân tâm học*, ĐH Minh Đức, 1973; 2- *Đường vào nội tâm*, Tình Người, Lausanne, 1997.

⁶⁶ **Vạn Xuân**, tr. 185, 187.

⁶⁷ **Vạn Xuân**, tr. 142, 190.

⁶⁸ **Vạn Xuân**, tr. 992

⁶⁹ **Vạn Xuân**, tr. 991.

⁷⁰ Xem lại (53) và (54).

⁷¹ **Nguyễn Trãi**, *Quốc Âm Thi Tập*.

⁷⁷ **Trần Huy Liệu**, *Sđđ.* tr. 30-34.

⁷² Theo **Bùi Văn Nguyên**, vợ = *Trần Thị Thành*, *Sđd.* tr. 388 N. 15.

⁷³ **Vạn Xuân**, tr. 477.

⁷⁴ *Sđd.* tr. 94.

⁷⁵ **Vạn Xuân**, tr. 626-718, tr. 1051.

⁷⁶ **Vạn Xuân**, tr. 1066.

⁷⁷ **Vạn Xuân**, tr. 1066.

⁷⁸ *The Hut chinson, Treasury of Stories to read aloud*, Hutchinson, London 2000, tr. 191-197.